

ĐẶC SAN
KHOA HỌC
KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Số 2, năm 2024



Quét QR Code
Để vào thăm chúng tôi

N

**hững thành tựu khoa học kinh tế nông nghiệp
Ứng dụng trong thực tiễn**

27

**Nhìn lại một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội II Hội Khoa học kinh tế
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETRAP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: số 489 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 62954833 - Email: info.vietrap@gmail.com

MÔ HÌNH SẢN XUẤT DƯỢC LIỆU ThS Vũ Thị Vân Phượng



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETRAP
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI là đơn vị
chuyên sản xuất dược liệu, với mục
tiêu tạo ra nguồn dược liệu ổn định về
số lượng, đảm bảo về chất lượng theo
tiêu chuẩn GACP-WHO.

Diện tích trồng dược liệu:
600 ha

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

(1) Trồng hơn 100ha các loại cây dược liệu, trong đó có Cát cánh, Đương Quy, Tam thất bắc, Ý dĩ, Địa Liên, Tam thất Nam, Thất diệp nhất chi hoa, Hà Thủ ô đỏ đã nhận được chứng nhận GACP-WHO do Cục Quản lý Y-Dược cổ truyền, Bộ Y tế cấp. Liên kết trồng hơn 500ha các loại dược liệu khác bao gồm Thảo quả, sa nhân tím, Hà Thủ ô, tam thất bắc, đẳng sâm, bạch truật và 1 số loại sâm quý

(2) Sản xuất các sản phẩm chăm sóc sức khỏe dùng ngoài theo bí truyền của người Dao đỏ như Muối ngâm chân thảo dược, Nước ngâm tắm, các loại Đai chườm chữa đau vai gáy, xương khớp. Chế biến và xuất khẩu 1 số loại tinh dầu như Màng tang, quế, sả, long não...

(3) Sản xuất các sản phẩm trà thảo mộc từ các loại dược liệu như Trà tam thất, Trà Quý ông, Trà Quý bà... giúp tăng cường sức khỏe.

(4) Trồng nấm Tamogi. Cung cấp nấm tươi, chiết xuất hoạt chất Beta-Glucan và sản xuất các sản phẩm tinh chế từ nấm Tamogi phục vụ cho bệnh nhân đang điều trị ung thư nhằm tăng cường hệ miễn dịch.



**ĐẶC SAN CỦA HỘI KHOA HỌC KINH TẾ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN VIỆT NAM.**

Địa chỉ: Số 26 đường Phạm Văn Đồng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: 0913075491

Website: <https://viesard.com>

Email: hoikhktnn@gmail.com

BAN CỐ VẤN

- TS. Hà Công Tuấn - Trưởng Ban
- TS. Dương Xuân Triệu
- TS. Nguyễn Văn Thịnh
- ThS. Nguyễn Văn Tiến

BAN BIÊN TẬP

- ThS. Nguyễn Mạnh Thường - Trưởng Ban
- ThS. Tạ Hữu Nghĩa
- ThS. Phi Thường
- Nhà báo Đỗ Thi

THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Nguyễn Thanh Bình

GPXB số: 129/GP-XBDS do Cục Báo chí -
Bộ TTTT cấp ngày 25 tháng 10 năm 2023.

In 1.000 cuốn tại Công ty CP. Kiến tạo Cuộc
Sống Xanh. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5
năm 2024.

GIÁ BÁN: 65.000Đ/CUỐN

Trong số này

Một số kết quả thực hiện Chiến lược phát triển lâm
nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

TS. Nguyễn Văn Thịnh

Luật Đất đai 2024 và yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện
cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp.

ThS. Nguyễn Văn Tiến

Hội thảo “Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển lâm
nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới”.

Ban Biên tập

Phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và địa phương
trong quản lý nhà nước về nông nghiệp ở nước ta hiện
nay.

TS. Hà Công Tuấn

Nhìn lại một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội II, Hội
Khoa học kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Việt Nam.

ThS. Tạ Hữu Nghĩa

Nỗ lực gỡ “Thẻ vàng” cho sản phẩm thủy hải sản khai
thác.

Thùy Như

Ba con đường hướng tới nhà ở xanh hòa nhập cho phụ nữ
ở châu Á và Thái Bình Dương.

TS. Hạ Thúy Hạnh

Chọn tạo và phát triển giống ngô lai đơn QT55 - Made in
Việt Nam.

PGS.TS. Lê Quý Tường

Giới thiệu Vườn Quốc gia Tam Đảo.

BBT

Bản hùng ca bất diệt của thời đại Hồ Chí Minh.

Đỗ Thi



Tình hình Kinh tế Quý I năm 2024	47
	<i>BBT</i>
Kinh tế nông nghiệp nông thôn tỉnh Bắc Giang	51
	<i>Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang</i>
Lãnh đạo Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam làm việc tại Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang	56
	<i>BBT</i>
Giới thiệu Công ty cổ phần Kiến tạo Cuộc Sống Xanh	58
	<i>BBT</i>



MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam Giai đoạn 2021-2025, Tầm nhìn 2030

TS. Nguyễn Văn Thịnh

Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam

MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2023¹

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu

Về kinh tế

Tỷ lệ che phủ rừng: Mục tiêu đến 2030, tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42-43%; năm 2023 thực hiện đạt 42,02%, đạt mục tiêu của Chiến lược đề ra.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp: Mục tiêu Chiến lược 2021-2030, tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp 5,0-5,5%/năm. Giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2021-2023 tăng bình quân 4,6%/năm, đạt 92% mục tiêu của Chiến lược (2021 đạt 3,88%, năm 2022 đạt 6,13% và năm 2023 đạt 3,74%).

Giá trị xuất khẩu lâm sản: Mục tiêu Chiến lược là giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt: 18-20 tỷ USD vào năm 2025 và 23-25 tỷ USD vào năm 2030; kết quả thực hiện 2021-2023: đạt bình quân 15,8 tỷ USD/năm, đạt 88% kế hoạch (trong đó: năm 2021

đạt 15,965 tỷ USD, năm 2022 đạt 17,09 tỷ USD và năm 2023 đạt 14,39 tỷ USD). Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản năm 2023 giảm 15,8% so với năm 2022².

Về nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ: năm 2021 đạt khoảng 2,93 tỷ USD, năm 2022 đạt 2,82 tỷ USD, tăng 4,1% so với 2021; năm 2023 ước đạt 2,191 tỷ USD, giảm 7,6% so với năm 2022. Xuất siêu: năm 2021 đạt 12,94 tỷ USD; năm 2022 đạt 14,10 tỷ USD; năm 2023 ước đạt 12,199 tỷ USD.

Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng: Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp. Cụ thể:

+ Trồng rừng tập trung: Mục tiêu Chiến lược là trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng với các loài cây bản địa, quý, hiếm: bình quân 4.000-6.000 ha/năm. Trồng rừng sản xuất: khoảng 340.000 ha/năm vào năm 2030. Thực hiện 2021-2023 đạt bình quân 260,4 nghìn ha/năm (2021 đạt 277,83 nghìn ha,

2. Sản phẩm gỗ 9,113 tỷ USD, giảm 17,5%; gỗ nguyên liệu 4,265 tỷ USD, giảm 14,2%; lâm sản ngoài gỗ 1,012 triệu USD, giảm 6,8% (do xung đột chiến tranh Nga - Ucraina, các đơn đặt hàng giảm nhiều so với cùng kỳ).

1. Theo Báo cáo của Cục Lâm nghiệp về thực hiện Chiến lược PTLN Việt Nam.



2022 đạt 253,245 nghìn ha, năm 2023 đạt khoảng 250 nghìn ha), bằng 113% kế hoạch đến năm 2025, 76% kế hoạch đến năm 2030, trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng khoảng 8,7 nghìn ha/năm, sản xuất đạt 251,7 nghìn ha/năm.

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: bình quân khoảng 136 nghìn ha/năm, trong đó khoanh nuôi chuyên tiếp 86%, đạt 136% kế hoạch.

+ Trồng cây phân tán: đạt bình quân 109 triệu cây/năm.

Sản lượng khai thác gỗ: Sản lượng khai thác gỗ giai đoạn 2021-2023 đạt bình quân khoảng 32 triệu m³, đạt 91% so với kế hoạch đến năm 2025. Trong đó, khai thác gỗ rừng trồng tập trung 20,5 triệu m³ (năm 2021 đạt 18,64 triệu m³, năm 2022 đạt 19,7 triệu m³, năm 2023 đạt 22,37 triệu m³), khai thác từ cây trồng phân tán và cao su ước đạt 11,5 triệu m³). Sản lượng khai thác gỗ đã đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản.

Về quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng: Mục tiêu Chiến lược đề ra là diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 0,5 triệu ha giai đoạn 2021-2025, trên 01 triệu ha giai đoạn 2026-2030. Thực hiện lũy kế đến năm 2023, cả nước có 465.000 ha cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, đạt 93,0% mục tiêu về diện tích đến năm 2025.

Thu dịch vụ môi trường rừng: Mục tiêu Chiến lược 2021-2030, tổng thu tiền dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân 5%/năm. Thực hiện bình quân

đạt 3.650 tỷ đồng/năm (năm 2021 thu 3.154 tỷ đồng; năm 2022 thu 3.702 tỷ đồng; năm 2023 thu được 4.130 tỷ đồng³); tốc độ tăng bình quân đạt 17% năm, đạt 34,5% so với kế hoạch Chiến lược.

Về xã hội

Giao đất, giao rừng: Đến nay, diện tích rừng giao cho các chủ rừng là đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư là 11,367 triệu ha, chiếm 77% diện tích có rừng, trong đó diện tích rừng đã giao cho các hộ gia đình cá nhân đang quản lý là 3,18 triệu ha (chiếm 21,52% diện tích rừng), cộng đồng dân cư đang quản lý 0,99 triệu ha (chiếm 6,75% diện tích rừng), để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp. Nhiều hộ gia đình đã triển khai các mô hình phát triển lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, mô hình nông lâm kết hợp có giá trị.

Khoản bảo vệ rừng: Hàng năm, các chủ rừng đã thực hiện khoản bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với diện tích khoảng trên 6,2 triệu ha/năm, góp phần tạo thu nhập cho các hộ gia đình, cải thiện sinh kế cho người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo

3. Năm 2023 thu được 4.130,4 tỷ đồng, trong đó: Thu từ các dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch, công nghiệp, du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản, khác là 3.133 tỷ đồng (trong đó thu từ cơ sở sản xuất thủy điện chiếm 93%). Thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng là: 997,03 tỷ đồng. Nguồn tiền từ dịch vụ môi trường rừng đã góp phần quản lý bảo vệ hơn 7,3 triệu ha rừng, chiếm 49,6% tổng diện tích rừng toàn quốc.



nhANH, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thông qua thực hiện các chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng, chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng.

Ngành lâm nghiệp đã tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện bảo vệ rừng khoảng trên 5 triệu lao động, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho khoảng 25 triệu người dân sống gần rừng.

Về môi trường

Tỷ lệ che phủ rừng: Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc năm 2021, năm 2022 đạt 42,02%; năm 2023, tiếp tục duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng ở mức 42,02%, đạt chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng: Thực hiện bảo vệ hiệu quả 14,79 triệu ha diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất).

Kết quả triển khai theo định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam

Quy hoạch

Thực hiện Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, Bộ NN&PTNT đang xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020⁴. Công tác lập

4. Theo đó, Quy hoạch tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp thời kỳ 2021-2030 là 15,848 triệu ha, gồm 2,455 triệu ha đất rừng đặc dụng, 5,230 triệu ha đất rừng phòng hộ và 8,164 triệu ha đất rừng sản xuất, phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

quy hoạch lâm nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, gắn với định hướng phát triển chung của ngành lâm nghiệp cũng như của các ngành, lĩnh vực, địa phương khác. Việc điều chỉnh quy hoạch cơ bản phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế lâm nghiệp cũng như công tác bảo vệ môi trường

và bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội nói chung.

Công tác theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện hàng năm theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, 5 năm qua, diện tích, độ che phủ của rừng duy trì ổn định, năm 2017, tổng diện tích có rừng 14.415.381 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,45%, đến năm 2021, diện tích có rừng đạt 14.745.201 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02 %, tăng 0,57% so với năm 2017; Năm 2022 diện tích có rừng đạt 14.790.075 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02%, duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng; ước năm 2023 tiếp tục duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02% (Theo Quyết định số 2357/QĐ-BNN-KL ngày 14/6/2023 của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS) đã thiết lập được hệ thống nền cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng trong cả nước trên nền kết quả chương trình tổng điều tra, kiểm kê rừng và các dữ liệu cập nhật diễn biến rừng, dữ liệu tiềm năng về REDD+, dữ liệu giống cây trồng lâm nghiệp, dữ liệu chi trả dịch vụ môi trường rừng, v.v. Hệ thống theo dõi diễn biến rừng (FRMS) chứa thông tin của trên 7,1 triệu lô rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp. Hệ thống FRMS gồm các bản đồ, hồ sơ và biểu tổng hợp số liệu hiện trạng rừng hàng năm theo đơn vị hành chính các cấp. Hệ thống cho phép kết nối với công cụ phát hiện thay đổi rừng từ ảnh vệ tinh, giúp cơ quan lâm nghiệp địa phương và chủ rừng trong việc giám sát biến động rừng, tra cứu, theo dõi, quản lý và cập nhật diễn biến rừng hàng năm.

Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

Diện tích rừng đặc dụng năm 2021 là 2,195 triệu ha, chiếm 14,89% tổng diện tích rừng cả nước. Đến

nay, cả nước có 167 ban quản lý rừng đặc dụng, quản lý 2.175.082 triệu ha, chiếm 99% diện tích rừng đặc dụng⁵, 56 ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên; 14 ban quản lý khu bảo tồn loài - sinh cảnh và 54 ban quản lý khu bảo vệ cảnh quan, còn lại một số khu gắn với ban quản lý các di tích, lịch sử trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và các tổ chức khác quản lý; 09 khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học do 09 đơn vị khoa học trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý.

Phát triển rừng



Tổng diện tích rừng trồng giai đoạn 2021-2023 trồng được 780 nghìn ha (năm 2021 đạt 277.830 ha, năm 2022 đạt 253.245 ha, năm 2023 đạt khoảng 250.000 ha), trong đó: rừng đặc dụng, phòng hộ đạt 8.700 ha/năm, rừng sản xuất đạt: 251.700 ha/năm. Năng suất rừng trồng: Trung bình 18 m³/ha/năm; sản lượng: 90-100 m³/ha (đối với loài cây trồng chính). Năng suất rừng trồng từng bước được cải thiện⁶.

Tổng diện tích rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn đến hết năm 2022 khoảng 508.821 ha, trong đó: Diện tích rừng trồng gỗ lớn là 445.480 ha; diện tích chuyển hóa rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn là 63.341 ha.

Về khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, phục hồi rừng, nâng cao khả năng phòng hộ: Giai đoạn 2021-2023, cả nước thực hiện được bình quân 136 nghìn ha/năm. Các chương trình, đề án lớn được triển khai thực hiện trong thời gian qua đã tạo bước đột phá quan trọng trong công tác bảo vệ, phát triển rừng nói chung và công tác bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng nói riêng.

6. Năng suất bình quân đạt khoảng 15 m³/ha/năm; tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ: Tuổi khai thác chủ yếu 5-8 năm, năng suất bình quân đạt 22 m³/ha/năm, có nơi đầu tư thâm canh cao và lập địa tốt có thể đạt trên 30 m³/ha/năm (Công ty TNHH MTV Lâm nông nghiệp Sông Hiếu - Nghệ An, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn - Bình Định).

Trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2023 đạt 333 triệu cây, bình quân đạt 111 triệu cây/năm.

Sử dụng rừng, chế biến, thương mại

Hiện nay, tổng diện tích rừng trồng sản xuất cả nước đạt trên 3,93 triệu ha, trong đó: diện tích rừng trồng Keo, Bạch đàn đạt 2.087.116 ha (rừng Keo 1.952.692 ha, rừng Bạch đàn 134.424 ha) chiếm 59%; diện tích rừng trồng Thông 247.624 ha chiếm 7%; diện tích rừng trồng Cao su 247.624 ha chiếm 7% và diện tích rừng trồng Mỡ, Bò đề, Lát, Xoan và các loài cây bản địa khác 955.121 ha, chiếm 27% tổng diện tích rừng trồng sản xuất của cả nước.

Doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản không ngừng tăng trưởng cả về số lượng và chủng loại: Số lượng đã tăng 1,4 lần từ 4.500 doanh nghiệp năm 2017 lên 6.234 doanh nghiệp vào năm 2022, trong đó: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gỗ chiếm 79,1%, chế biến lâm sản ngoài gỗ chiếm 7,4%, sản xuất ván nhân tạo chiếm 9,3%, các sản phẩm khác chiếm 4,3%; doanh nghiệp FDI chiếm 13,2%; doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu 2.600 doanh nghiệp⁷.

Kết quả xuất khẩu gỗ và lâm sản có mức tăng trưởng tích cực theo xu hướng năm sau cao hơn trước: Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản phẩm gỗ nước ta luôn tăng trưởng bình quân 16%/năm, gồm: Năm 2021 đạt 15,965 tỷ USD, đến năm 2022, giá trị xuất khẩu lâm sản đạt 17,09 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm 2021; năm 2023 ước đạt 14,39 tỷ USD, giảm 15,8% so với năm 2022, giá trị xuất siêu đạt trên 12 tỷ USD/năm, trong đó: năm 2021 đạt 12,94 tỷ USD; năm 2022 đạt 14,10 tỷ USD; năm 2023 đạt khoảng 12,199 tỷ USD⁸.

Kết quả huy động vốn thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp

Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu vốn thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030 là 522.515 tỷ đồng, bao gồm đầu tư cho phát triển lâm nghiệp, hạ tầng, khoa học và công nghệ cho ngành lâm nghiệp...

Tổng kinh phí huy động thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2023 để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng khoảng 56.729 tỷ đồng, trong đó: Ngân

7. Doanh nghiệp tập trung tại vùng Đông Nam Bộ chiếm 41,5%, vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm 17,8%, vùng Bắc Trung Bộ 11,1%, vùng Đông Bắc 10%, vùng Nam Trung Bộ 9,8%, các vùng còn lại chiếm 9,9%.

8. Sản phẩm gỗ 11,04 tỷ USD, dăm gỗ 2,78 tỷ USD, tăng 60,6%, viên nén gỗ 0,82 tỷ USD, tăng 80,6%, ván các loại 1,31 tỷ USD, giảm 10,3%, gỗ khác 0,066 tỷ USD, giảm 28,2%; lâm sản ngoài gỗ đạt 1,09 tỷ USD.

sách nhà nước: 12.595 tỷ đồng; nguồn khác: khoảng 44.135 tỷ đồng (dịch vụ môi trường rừng: 10.987 tỷ đồng, tổ chức cá nhân tự đầu tư: 33.148 tỷ đồng). Ngoài ra, theo Ngân hàng Nhà nước, Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025: Doanh số cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với ngành lâm nghiệp từ năm 2021 đến tháng 10/2023 đạt 886.692 tỷ đồng, đến ngày 31/10/2023 dư nợ đạt 193.905 tỷ đồng, trong đó: (i) Doanh số cho vay khai thác, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đạt 106.654 tỷ đồng, dư nợ đạt 42.522 tỷ đồng, chiếm 22% tổng dư nợ cho vay ngành lâm nghiệp; (ii) Doanh số cho vay chế biến, bảo quản đạt 343.858 tỷ đồng, dư nợ đạt 67.083 tỷ đồng, chiếm 35% tổng dư nợ cho vay ngành lâm nghiệp; (iii) Doanh số cho vay phục vụ thu mua, tiêu thụ lâm sản đạt 416.270 tỷ đồng, dư nợ đạt 84.300 tỷ đồng, chiếm 43%.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2025-2030

Đổi mới, đa dạng hoá, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền

Huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp và nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; sự lãnh đạo, chỉ đạo một cách quyết liệt và đồng bộ của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời nêu cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu. Thay đổi tư

duy, nhận thức của người dân, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Rà soát đầy đủ, kịp thời, đồng bộ chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển rừng bền vững

Hoàn thiện pháp luật về lâm nghiệp bảo đảm đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát huy được tiềm năng, lợi thế của rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Đẩy mạnh và mở rộng đối tượng được giao rừng, cho thuê rừng, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng và đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến từng chủ rừng gắn với trách nhiệm quản lý, phát triển rừng, có cơ chế phù hợp, khả thi trong việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ở khu vực có rừng quản lý gắn với lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng. Nghiên cứu có cơ chế, chính sách cụ thể, đủ mạnh để quản lý hiệu quả rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; thu hút sự tham gia của người dân, các nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, thúc đẩy phát triển các loại dịch vụ môi trường rừng.





Ưu tiên bố trí ngân sách cho công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên; bố trí kịp thời nguồn kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, đồng thời quan tâm bố trí nguồn đầu tư phát triển để thực hiện các hạng mục như: trồng rừng phòng hộ, đặc dụng. Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm hài hoà lợi ích, trách nhiệm đối với các địa phương có diện tích rừng lớn. Có chính sách tín dụng, hỗ trợ dạy nghề, tạo sinh kế, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập cho người trồng rừng, người bảo vệ rừng; chính sách khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng phải gắn với ổn định, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực có rừng; nghiên cứu, tăng mức khoán bảo vệ rừng phù hợp với thực tế.

Đa dạng hoá các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo hướng sản xuất xanh, bền vững, tuần hoàn

Đẩy mạnh chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, cây bản địa, thâm canh rừng phù hợp với hệ sinh thái để nâng cao năng suất, sản lượng rừng trồng; gắn kết chặt chẽ trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để hình thành liên kết theo chuỗi giá trị từ trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ lâm sản, sản phẩm chế biến từ gỗ và lâm sản khác. Tăng cường hướng dẫn khai thác rừng tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế; hiện đại hoá ngành công nghiệp chế biến lâm sản, khuyến khích sử dụng gỗ rừng trồng trong nước, gỗ có chứng chỉ, áp dụng công nghệ tiên tiến, chế biến sâu.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; phát triển một số

mô hình kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, vừa phát huy tiềm năng, giá trị tài nguyên của rừng đặc dụng. Phát triển các mô hình bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn với nuôi trồng thủy sản. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu giữ cacbon và phát triển nhanh thị trường tín chỉ cacbon rừng. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của rừng gắn với truyền thống các dân tộc, vùng, miền.

Ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp

Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành liên quan. Tập trung điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, xây dựng cơ sở dữ liệu rừng, đánh giá tổng thể tài nguyên rừng; đến năm 2026, hoàn thành việc phân định ranh giới rừng trên thực địa.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định dân cư, nhất là khu vực biên giới, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện nghiêm quy định rừng tự nhiên chỉ được chuyển mục đích sử dụng để phục vụ quốc phòng, an ninh, dự án quan trọng quốc gia và dự án cấp thiết khác.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, chúng tôi xin đề nghị với Bộ Nông nghiệp và

Phát triển Nông thôn, Bộ ngành có liên quan, Chính phủ, Quốc hội một số nội dung như sau:

Đề xuất với Quốc Hội

Xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, trong đó có nội dung bổ sung cho thuê môi trường rừng để trồng cây sâm Ngọc Linh và được liệu trên diện tích rừng tự nhiên thuộc phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; bắt cập tại quy định về thuê rừng tự nhiên là rừng sản xuất, việc ký hợp đồng thuê rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp; về việc hướng dẫn giải quyết các bất cập trong việc phê duyệt giá cây đứng và giá cho thuê rừng.

Sửa đổi, bổ sung thống nhất giữa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai (sửa đổi) về giao hay cho thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ cho tổ chức kinh tế, tiêu chí xác định đất lâm nghiệp.

Đề xuất với Chính phủ

Cần khẩn trương thẩm định, phê duyệt, công bố Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo tính thống nhất với quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch cấp tỉnh, cần xác định rõ không gian, quy mô diện tích đất có rừng và đất chưa có rừng, dành cho phát triển rừng bằng trồng mới hoặc tái sinh tự nhiên. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ quy định thống nhất các tiêu chí về đất lâm nghiệp (đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) tại Luật Đất đai (sửa đổi) đồng bộ với Luật Lâm nghiệp bao gồm: đất đã có rừng, đất chưa có quy hoạch cho phát triển rừng để đảm bảo thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng khoá XIII đưa độ che phủ rừng lên 43%.

Về ban hành và thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách: Chính phủ quan tâm sớm ban hành cơ chế, chính sách bảo vệ, phát triển rừng bền vững trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện Nghị định 75/2015 của Chính phủ; Quyết định 38/2016 của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác, đồng thời thể chế hoá bằng các cơ chế chính sách một cách đầy đủ, kịp thời các chủ trương tại kết luận 61-KL/TW của ban Bí thư Trung ương; giải quyết vướng mắc hoạt động triển khai trên thực tiễn cơ chế đặt hàng công ích quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất thực hiện đóng cửa khai thác gỗ, nhưng không có nguồn thu khác từ diện tích rừng này; sửa đổi, bổ sung quy định tại nghị định

156/2018 của Chính phủ về quỹ bảo vệ rừng và ban hành các quy định pháp luật về lượng hóa thương mại để cụ thể hoá chủ trương, vận hành thông suốt cơ chế hình thành thị trường tín chỉ hấp thụ khí nhà kính (cả thị trường tự nguyện và bắt buộc); tổng kết thực tiễn ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn và quản lý việc cải tạo rừng tự nhiên; phù hợp với xu hướng truy xuất nguồn gốc hàng hóa quốc tế đối với khu vực Tây Nguyên, cần thiết có chương trình thiết thực về khôi phục, bảo vệ, phát triển rừng đồng thời với việc giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng làm cho "rừng có chủ thực sự" tập trung lập hồ sơ địa chính, hồ sơ rừng để sớm hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các chủ rừng. Chú trọng giao đất, giao rừng theo Luật Lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư sống gần rừng, trong rừng gắn với chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc, miền núi, xoá đói, giảm nghèo bền vững. Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng với tư cách là chủ rừng. Sửa đổi quy định về việc phải thực hiện thủ tục thu hồi, bàn giao đất rừng về địa phương trước (thu hồi, giao UBND cấp huyện quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch), sau đó mới thực hiện các thủ tục cho tổ chức (doanh nghiệp) khác được thuê đối với đất rừng sản xuất đang thuộc các Ban quản lý rừng phòng hộ, các Công ty Lâm nghiệp quản lý; sửa đổi bổ sung Nghị định quy định rõ ràng về trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ rừng (có tiêu chuẩn định mức thật cụ thể) làm cơ sở xác định hành vi vi phạm hành chính của chủ rừng để xử lý theo quy định.

Quản lý chặt chẽ rừng tự nhiên, đóng cửa khai thác gỗ, nhưng có sự linh hoạt trong sử dụng với các trạng thái rừng khác nhau, bảo đảm hài hoà với cam kết, thoả thuận quốc tế. Phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hoá. Hạn chế tối đa chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp và các hoạt động gây mất và suy thoái rừng, nâng cao chất lượng rừng và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

Ứng dụng khoa học và công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc theo hướng hiện đại, hiệu quả, thống nhất. Triển khai

thực hiện có hiệu quả, thực chất chương trình chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo trong ngành lâm nghiệp. Tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý, công nghệ thông tin trong quản lý lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng quốc gia.

Đề nghị Bộ NN&PTNT, các bộ, ngành liên quan

Cần có chính sách ưu đãi về tín dụng, bảo hiểm để khuyến khích, thu hút người dân, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng; hướng dẫn để các tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện về tín chỉ các bon rừng.

Cho phép các tỉnh chuyển từ hình thức giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo chính sách của Trung ương sang hình thức chủ rừng tự bảo vệ để hợp đồng với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (đây là mô hình phát huy hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; khắc phục được các tồn tại, hạn chế so với hình thức giao khoán bảo vệ rừng cho hộ, cộng đồng dân cư) gắn với chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả cho lực lượng này và hướng dẫn đối với nội dung lồng ghép các nguồn vốn khác nhau (nguồn vốn từ các chương trình, dự án trung ương và nguồn vốn hỗ trợ của địa phương) cho nhiệm vụ bảo vệ rừng trên cùng một diện tích rừng.



Luật Đất đai 2024

Và yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện
cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp

ThS. Nguyễn Văn Tiến

Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam

Ngày 18/1/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai sửa đổi gồm 16 chương và 260 điều, có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, trong đó có những chính sách tác động đến lĩnh vực lâm nghiệp cần được sửa đổi, bổ sung, triển khai thực hiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với những thay đổi của Luật Đất đai. Một số vấn đề trọng tâm cần hoàn thiện sau khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành:

1. Sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp 2017 theo Điều 248. “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15”, có hiệu lực thi hành từ 01/4/2024:

- Sớm hoàn thiện tiêu chí các dự án cấp thiết và cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương các cấp, theo yêu cầu “Sửa đổi, bổ sung khoản khoản 2 Điều 14 như sau: “Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án sau đây: dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định” và Sửa đổi, bổ sung khoản

1 Điều 15 “Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”.

- Phân cấp quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Điều 20: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí”. Để quản lý rừng chặt chẽ, hiệu quả song song với phân cấp, Chính phủ cần sớm ban hành tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng.

Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định: “Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục



Luật quy định về người sử dụng đất gồm: Tổ chức trong nước, Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; cộng đồng dân cư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Theo đó, Luật đã bổ sung quy

đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân; giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cộng đồng dân cư; thu hồi rừng đối với trường hợp thu hồi đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai”.

- Bổ sung nuôi, trồng, thu hoạch dược liệu trong rừng đặc dụng, nhằm phát huy giá trị rừng đặc dụng theo khoản 7. Sửa đổi, bổ sung tên điều, khoản 5 và bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 53 như sau: “Điều 53: Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đặc dụng”.

“Được xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thực hiện theo Quy chế quản lý rừng và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 60: “Được tự tổ chức, hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê rừng, thuê môi trường rừng phù hợp với quyền của chủ rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí hoặc nuôi, trồng phát triển cây dược liệu hoặc để tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học nhưng không được ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai”.

2. Sửa đổi, bổ sung chính sách lâm nghiệp theo Luật Đất đai có hiệu lực từ 01/01/2025:

Về Người sử dụng đất lâm nghiệp: Điều 4 của

định người sử dụng đất là người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam; đồng thời bỏ quy định người sử dụng đất là hộ gia đình. Như vậy, khi Luật có hiệu lực thi hành những hộ gia đình đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất vẫn tiếp tục sử dụng đất đến hết thời hạn được giao, cho thuê, và có thể đăng ký chuyển sang chủ sử dụng đất là thành viên của hộ gia đình đó. Đối tượng hộ gia đình không được giao đất, cho thuê đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất lâm nghiệp sau khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ 01/01/2025.

Về phân loại đất lâm nghiệp: Điều 9 của Luật quy định nhóm đất lâm nghiệp bao gồm 7 loại: Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất chăn nuôi tập trung; đất làm muối; đất lâm nghiệp khác. Nhóm đất chưa sử dụng đã được sửa là đất chưa xác định mục đích sử dụng và chưa giao, chưa cho thuê. Theo đó, quản lý đất lâm nghiệp gồm cả đất có rừng và chưa có rừng được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp. Quy định này, khắc phục được thực trạng thống kê, quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp thiếu nhất quán hiện nay, là cơ sở xây dựng các tiêu chí quản lý, hình thành cơ sở dữ liệu của ngành nông nghiệp và tài nguyên môi trường thống nhất.

Về điều kiện thực hiện một số quyền của người sử dụng đất lâm nghiệp: Quy định tại Điều 45 của Luật về điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng

quyền sử dụng đất. Theo đó, đối với đất lâm nghiệp có rừng cần rà soát chính sách, pháp luật về lâm nghiệp để sửa đổi, bổ sung các điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Đồng thời, có quy định rõ về việc các tổ chức kinh tế không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của cá nhân, trừ trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; cá nhân không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở và đất khác trong khu vực rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng đó.

Về thu hồi đất lâm nghiệp: Điều 79 của Luật quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Theo đó, Nhà nước thu hồi đất trong 32 trường hợp thật cần thiết. Trong đó, Luật bổ sung quy định thu hồi để thực hiện dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung có quy mô lớn, tập trung, dự án trồng, bảo tồn gen cây thuốc để phát triển dược liệu y học cổ truyền. Việc quy định chi tiết 32 trường hợp thu hồi đất là một bước tiến lớn, chi tiết, liệt kê rõ ràng, cơ bản đầy đủ trong thực tế, đảm bảo sự minh bạch, cụ thể hóa, khắc phục được tính chung chung trong quy định cũ. Ngành lâm nghiệp cần xây dựng các quy định cụ thể, tạo môi trường thuận lợi để phát triển nhanh khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu sản xuất, chế biến lâm sản tập trung, quy mô lớn, trồng, bảo tồn gen cây đặc sản và được liệu giá trị cao.

Về bồi thường cho người có đất lâm nghiệp bị thu hồi và giá đất: Luật đã quy định đa dạng hình thức bồi thường cho người có đất bị thu hồi, đảm bảo quyền lợi và quyền lựa chọn hình thức bồi thường cho người có đất thu hồi bằng tiền, bằng đất có cùng mục đích sử dụng, bằng nhà ở và bằng đất khác mục đích sử dụng nếu người bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất. Quy

định đền bù bằng đất khác sẽ tạo điều kiện cho địa phương không cần đối được quỹ đất cùng mục đích thu hồi, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước khi phải ứng vốn chi trả bồi thường bằng tiền. Đồng thời bảo đảm cuộc sống của người dân có đất bị thu hồi theo hướng tốt hơn, giải quyết hài hòa lợi ích khi thu hồi đất, giảm khiếu kiện về đất đai liên quan đến thu hồi đất (Điều 96. 97. 103).



Về giá đất: Luật hiện hành quy định Chính phủ quy định khung giá đất 5 năm một lần, các địa phương quyết định cụ thể trong giới hạn không quá 30%. Luật Đất đai 2024 quy định Bảng giá đất hàng năm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo nguyên tắc thị trường. Cần rà soát hoặc hướng dẫn các địa phương rà soát về quy trình sản xuất và hoàn thiện các quy định xác định giá rừng đảm bảo nguyên tắc xác định sát thị trường và đồng bộ với quy định về định giá đất theo quy định của Luật này.

Về chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp: Điều 121 của Luật quy định chuyển đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất lâm nghiệp; chuyển sang đất phi nông nghiệp phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần quy định rõ ràng minh bạch, có tiêu chí và danh mục “cây đa mục đích”; trên cơ sở đó có quy định chi tiết trường hợp trồng các loài cây lâu năm đa mục đích (cao su, điều, mắc ca...) trên đất lâm nghiệp có phải áp dụng quy định về chuyển mục đích sử dụng đất, nếu không thuộc đối tượng quy định tại điều này thì điều kiện, quy trình, thủ tục... cũng phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

Về điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp: Điều 122 của Luật quy định: cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 123 của Luật bổ quy định thẩm quyền Chính phủ, Quốc hội; bổ sung cấp xã so với Luật Đất đai hiện hành) chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp sử dụng đất thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất điều kiện do Chính phủ quy định. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần khẩn trương rà soát quy định hiện hành, trình Chính phủ ban hành tiêu chí, điều kiện theo Luật này.

Về thời hạn sử dụng; hạn mức giao đất lâm nghiệp: Điều 172 quy định thời hạn giao, công nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất là rừng trồng trong hạn mức là 50 năm. Thời hạn cho thuê đất lâm nghiệp đối với cá nhân không quá 50 năm. Quá thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm hết thời hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất không xử lý tài sản thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất; trường hợp phải phá dỡ, chủ sở hữu tài sản phải chịu chi phí phá dỡ. Theo quy định này, thì đất lâm nghiệp ngoài các trường hợp trên (rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao và công nhận quyền sử dụng đất với “thời hạn sử dụng đất là ổn định lâu dài” (quy định tại Điều 173). Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Trên cơ sở quy định này, nên nghiên cứu đề quy định thời hạn cho thuê môi trường rừng không quá 50 năm để đảm bảo tính đồng bộ trong quản lý, thu hút đầu tư xã hội và đảm bảo hiệu quả đầu tư kinh doanh.

Về giao đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Tại Điều 184, Điều 185, Điều 186 quy định: Các trường hợp được Nhà nước giao đất rừng sản xuất không thu tiền sử dụng đất, giao đất rừng phòng hộ, giao đất rừng đặc dụng; tổ chức kinh tế, doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cá nhân thuê đất rừng sản xuất được xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Ban quản lý rừng đặc dụng phối hợp với chính quyền địa phương lập dự án di dân, tái định cư trình cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt để di dân ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần khẩn trương rà soát quy định hiện hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng trên đất lâm nghiệp; di dân, tái định cư ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

Về tích tụ, tập trung đất lâm nghiệp: Tích tụ và tập trung đất trong nông, lâm nghiệp đã trở thành xu hướng ngày càng phổ biến trên cả nước xuất phát từ nhu cầu sản xuất hàng hóa lớn, yêu cầu truy xuất nguồn gốc khắt khe của thị trường và đòi hỏi ứng dụng công nghệ mới cả về công nghệ sinh học, công nghệ số trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Tích tụ và tập trung đất cũng góp phần giảm thiểu tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tăng cường thu hút đầu tư và quản trị tiến bộ, kích thích sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất. Điều 192 của Luật quy định về tập trung đất lâm nghiệp thông qua 3 phương thức: Chuyển đổi quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo phương án dồn điền, đổi thửa; thuê quyền sử dụng đất; hợp tác sản xuất, kinh doanh bằng quyền sử dụng đất. Điều 193 của Luật quy định về tích tụ đất bằng 2 phương thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâm nghiệp; nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Theo đó, cần ban hành các quy định, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các bên trong việc thực hiện tập trung, tích tụ đất lâm nghiệp gắn với tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị lâm sản phối hợp.

Về sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Theo Điều 218: Sử dụng đất kết hợp đa mục đích trong nông nghiệp gồm: Đất nông nghiệp được sử dụng kết hợp với mục đích thương mại, dịch vụ, chăn nuôi, trồng cây dược liệu; Đất ở được sử dụng kết hợp với mục đích nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, công trình sự nghiệp có mục đích kinh doanh... Đây là quy định mới của Luật nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, gắn giữa sản xuất, chế biến và thương mại nông, lâm sản. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần sớm có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, điều kiện được sử dụng đất lâm nghiệp vào các mục đích thương mại, dịch vụ, trồng dược liệu... nhưng không làm thay đổi đất lâm nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 523/QĐ-TTg ngày 01/4/ 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Quyết định 2357/QĐ-BNN-KL ngày 14/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố hiện trạng rừng toàn quốc.

3. Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 57/QĐ-TTg (Kế hoạch 57) ngày 09/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Kết luận số 61/KL-TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng.

5. Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Báo cáo đánh giá kết quả 3 năm thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.



Hội thảo

“Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới”

Hội thảo “Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới” được tổ chức ngày 27/02/2024 là sự kiện do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Hội Khoa học Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Hội Chủ rừng Việt Nam, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam phối hợp tổ chức. Tham dự Hội thảo có khoảng 130 đại biểu đến từ: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đại diện các hiệp hội, hội, doanh nghiệp lâm nghiệp, doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản; một số vườn quốc gia, ban quản lý rừng; đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường một số tỉnh cùng với một số tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ. Hội thảo đã ghi nhận những góp ý tâm huyết của các nhà quản lý, nhà khoa học, hiền kế giúp ngành Lâm nghiệp phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Quốc Trị; nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ NN&PTNT - Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam Hà Công Tuấn; Cục trưởng Cục Lâm nghiệp Trần Quang Bảo đồng chủ trì Hội thảo.



Ông Triệu Văn Lực – Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ông Triệu Văn Lực - Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): Huy động tốt hơn nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng.

Trong 03 năm thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp, tổng kinh phí huy động để thực hiện bảo vệ và Phát triển rừng vào khoảng 56,7 nghìn tỷ đồng. Trong đó, Ngân sách nhà nước gần 12,6 nghìn tỷ đồng, thu dịch vụ môi trường rừng gần 11 nghìn tỷ đồng, tổ chức cá nhân tự đầu tư hơn 33 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, doanh số cho vay của các tổ chức tín dụng đối với



Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Quốc Trị; nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ NN&PTNT - Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam Hà Công Tuấn; Cục trưởng Cục Lâm nghiệp Trần Quang Bảo đồng chủ trì Hội thảo.



Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Quốc Trị phát biểu tại Hội thảo.

ngành Lâm nghiệp từ năm 2021 đến tháng 10/2023 đạt 886,7 nghìn tỷ đồng. Trong đó, cho vay khai thác, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đạt gần 106,7 nghìn tỷ đồng; cho vay chế biến, bảo quản đạt 343,9 nghìn tỷ đồng; cho vay phục vụ thu mua, tiêu thụ lâm sản đạt 416,2 nghìn tỷ đồng...

Để huy động tốt hơn nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng, Cục Lâm nghiệp đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Chính phủ xem xét ban hành Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phê duyệt một số Đề án trọng điểm ngành lâm nghiệp... Bên cạnh đó, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi về tín dụng, bảo hiểm để khuyến khích, thu hút người dân, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng.

Bàn giải pháp phát triển bền vững

Ghi nhận những kết quả đạt được của ngành Lâm nghiệp, các đại biểu tham dự Hội thảo cũng thống nhất đánh giá, quá trình thực hiện Chiến lược còn những tồn tại, khó khăn như: Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch 3 loại rừng còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ; công tác giao rừng, thuê rừng còn chậm triển khai; việc xây dựng, hoàn thiện và triển khai các quy định pháp luật, quy hoạch lâm nghiệp, các cơ chế, chính sách còn chậm, chưa đáp ứng được thực tiễn; năng suất, chất lượng rừng trồng còn thấp; việc trồng rừng phòng hộ, đặc dụng gặp nhiều khó khăn; chậm đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, sắp xếp công ty lâm nghiệp; mức hỗ trợ bảo vệ, phát triển rừng (BV&PTR) và chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ rừng còn quá thấp, chưa thật sự tạo động lực cho BV&PTR.

Đặc biệt, ngân sách nhà nước đầu tư cho BV&PTR còn khó khăn; nhiều địa phương chưa quan tâm đầu tư, bổ sung ngân sách cho BV&PTR; ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển chưa bền vững, chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, khả năng dẫn dắt, làm chủ thị trường nội địa và mở rộng thị trường quốc tế còn hạn chế; khả năng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với vùng nguyên liệu còn chưa chặt chẽ.

Một vấn đề được đại biểu quan tâm là, theo Luật Đất đai, đất lâm nghiệp gồm 3 nhóm: đất rừng sản xuất; đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng. Trong Luật Đất đai không quy định đất chưa có rừng. Trong khi đó, theo Luật lâm nghiệp, đất lâm nghiệp bao gồm diện tích đất có rừng và diện tích đất chưa có rừng. Hiện nay, số liệu về diện tích đất lâm nghiệp được giao do ngành Tài nguyên và Môi trường công bố với số liệu về diện tích rừng được giao do ngành nông nghiệp công bố không đồng bộ, thậm chí mâu thuẫn.

Trước thực tế đó, ThS. Nguyễn Văn Tiến, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam khuyến nghị, Bộ NN&PTNT nông thôn cần sớm hoàn thiện quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo tính thống nhất với quy hoạch sử dụng đất theo 3 cấp: cả nước, cấp tỉnh và cấp huyện. Phân bổ hợp lý quỹ đất cho phù hợp với yêu cầu sử dụng đất và quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp. Đồng thời tăng cường khả năng tiếp cận đất đai của các chủ thể có nhu cầu sản xuất kinh doanh lâm nghiệp; bổ sung đối tượng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Tại Hội thảo này, nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ NN&PTNT - Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam Hà Công Tuấn cho rằng, Chiến lược phát triển Lâm nghiệp đã được Bộ soạn

thảo và trình Chính phủ trong nhiều năm. Do đó những vấn đề đang diễn ra hiện nay khi đó đã không lường hết được. Trong đó đáng chú ý là hậu quả nặng nề của của dịch COVID-19; xung đột vũ trang và địa chính trị đang diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; Nhiều nền kinh tế lạm phát cao, thắt chặt chi tiêu... Đặc biệt là các cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính về 0 (Net Zero) vào năm 2050 của các quốc gia, trong đó có Việt Nam...

Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam cũng khẳng định, các giải pháp đề cập trong Chiến lược cũng như Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ NN&PTNT vẫn còn nguyên giá trị, song cần phải làm mới. Đơn cử như đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là trong chuyển đổi số. Cần phải thúc đẩy hình thành thống nhất quản lý chuỗi cung, đồng thời cùng với đó thúc đẩy và hình thành sàn thương mại điện tử thống nhất trong toàn quốc về lâm sản nói chung.

Trước những khó khăn, vướng mắc được các chuyên gia chỉ ra, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Quốc Trị khẳng định, bước sang năm 2024 và các năm tới, ngành Lâm nghiệp đứng trước những cơ hội, thách thức đan xen nhau trong bối cảnh, tình hình mới cả trong nước và quốc tế. Trong số đó, có những thay đổi từ các quy định của các luật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Luật Đất đai 2024; Kết luận 61 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 13; các quy định mới về thực hiện cam kết của Việt Nam đối với quốc tế, thực hiện Quy định không phá rừng của liên minh châu Âu – EU (EUDR), triển khai các quy định về tín chỉ các-bon rừng... Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị mong muốn các hội, hiệp hội, tổ chức quốc tế tiếp tục tăng cường mối quan hệ với Bộ NN&PTNT, hỗ trợ Bộ để thực hiện tốt chiến lược Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

PGS.TS Nguyễn Bá Ngãi - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội chủ rừng Việt Nam (VIFORA): Cần thống nhất số liệu về đất lâm nghiệp.

Sau 03 năm thực hiện Chiến lược, bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, đã xuất hiện một số vấn đề trong quản lý rừng và quản lý đất lâm nghiệp. Hiện hạng mục đất đang sử dụng để bảo vệ và phát triển rừng có nhiều điểm chưa rõ, khó xác định tiêu chí nên khó khăn cho việc thống kê, theo dõi quản lý rừng bởi vì hạng mục đất này bao gồm cả diện tích rừng đang xúc tiến khoanh nuôi



PGS.TS Nguyễn Bá Ngãi - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội chủ rừng Việt Nam (VIFORA)

tái sinh nhưng chưa thành rừng; đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng; đất để xây dựng các công trình phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng như đường ranh cản lửa...

Ngoài ra, số liệu về diện tích đất lâm nghiệp được giao do ngành tài nguyên và môi trường công bố với số liệu về diện tích rừng được giao do ngành Nông nghiệp công bố không đồng bộ, thậm chí mâu thuẫn như diện tích rừng được giao cao hơn diện tích đất cùng loại được giao. Diện tích rừng giao cho cộng đồng dân cư cao hơn diện tích đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng dân cư; diện tích rừng do UBND xã quản lý cao hơn 1 triệu ha diện tích đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý. Đây là những tồn tại kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp. Nguyên nhân chính là do chưa thống nhất về các chỉ tiêu kiểm kê, thống kê đất lâm nghiệp và rừng, công nghệ, quy trình, phương pháp và sự phối hợp trong kiểm kê, thống kê đất lâm nghiệp và rừng chưa được thực hiện tốt.

Do đó, ngành Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần thống nhất đất lâm nghiệp bao gồm 3 nhóm đất là đất có rừng, đất chưa có rừng và đất sử dụng cho mục đích bảo vệ và phát triển rừng. Để thống nhất các nhóm đất thuộc đất lâm nghiệp, trước mắt cần nghiên cứu bổ sung các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành luật đất đai, trong đó phải thống nhất quy định về mã các loại đất lâm nghiệp nêu trên; sửa đổi bổ sung một số điều trong các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật lâm nghiệp. Trong đó, cần quy định cụ thể về đất sử dụng cho mục đích bảo vệ và phát triển rừng.

Ông Ngô Sỹ Hoài - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST): Các chủ thể tham gia vào ngành lâm nghiệp và công nghiệp gỗ phải có những thay đổi.



Ông Ngô Sỹ Hoài - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST).

Thời gian qua, Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ hơn 100 quốc gia trên thế giới để chế biến, tạo giá trị gia tăng. Tuy nhiên, việc nhập khẩu từ nhiều quốc gia sẽ rất khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc theo các quy định của EUDR, CBAM, VPA... Ngành gỗ đang được “nội soi” rất kỹ, nếu không tuân thủ các quy định sẽ không thể phát triển.

Về các xu hướng tiêu dùng và thương mại gỗ toàn cầu, các yếu tố tác động đến ngành gỗ bao gồm: Tăng toàn cầu hóa, đời sống kinh tế được cải thiện; kinh tế xanh, tăng cung ứng nguyên liệu sợi và cạnh tranh toàn cầu. Với xu thế hiện nay, thương mại gỗ tập trung nhiều ở Châu Á, Bắc Mỹ và Châu Âu, các nước đang phát triển có vai trò quan trọng nhiều hơn trong thương mại gỗ toàn cầu. Theo đó, Bắc Mỹ và EU giảm từ 70,51% năm 2006 còn 62,76% năm 2022, mặc dù vẫn còn vị thế rất quan trọng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang nổi lên như một trung tâm chế biến, thương mại gỗ lớn của thế giới, cần thay đổi mô hình tăng trưởng để giữ được vị thế và tiếp tục phát triển.

Trong thời gian tới, thương mại xanh, sản phẩm xanh và tăng trưởng xanh là xu hướng tất yếu, doanh nghiệp gỗ Việt Nam cần chủ động thích ứng để duy trì và mở rộng thị trường. Đồng thời, việc sụt giảm kim ngạch xuất khẩu hiện nay cũng là dịp để doanh nghiệp gỗ Việt Nam nhìn nhận và cải thiện quản trị doanh nghiệp, tăng cường năng lực phòng vệ thương mại và hiệu quả kinh doanh. Các quy định EUDR đã có lộ trình, cần nhìn nhận đây là cơ hội, nếu làm tốt sẽ có thị trường, không thì sẽ không có đầu ra. Do đó, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp cần khẩn trương chuẩn bị để sẵn sàng thực thi trước tháng 6/2025.

BBT



PHÂN QUYỀN PHÂN CẤP

Giữa Trung ương và Địa phương

Trong quản lý nhà nước về nông nghiệp Ở nước ta hiện nay

TS. Hà Công Tuấn

*Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam
Nguyên Thứ trưởng thường trực Bộ NN&PTNT*

Phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương được quy định tại Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ năm 2019, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ 6, Khóa XII, Đảng ta xác định: “Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ

chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc xây dựng, kiện toàn tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế”.

Theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, thì nông nghiệp (nghĩa rộng) bao gồm nhiều ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, hoạt động phòng chống thiên tai, và phát triển nông thôn; cùng với

các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực này. Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế phân quyền, phân cấp, phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp ở Trung ương và địa phương, phát huy sự chủ động, sáng tạo gắn với trách nhiệm, đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền pháp định, góp phần xây dựng nền hành chính Nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là công tác thường xuyên và cấp thiết.

Nhận thức lý luận về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương về nông nghiệp

Phân định thẩm quyền quản lý giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương được hiểu là việc phân quyền, phân cấp xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn - xác định địa vị pháp lý của từng cơ quan quản lý nhà nước trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước tại các quy định của pháp luật, bảo đảm từng cơ quan thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước được giao, đồng thời đặt nó trong sự đồng bộ của cả hệ thống quản lý nhà nước thống nhất, vận hành thông suốt, phối hợp nhịp nhàng hiệu quả.

Phân quyền quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương nói chung và trong nông nghiệp nói riêng là cách thức phân quyền theo chiều dọc. Theo đó, pháp luật quy định địa vị pháp lý rõ ràng của từng cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý nhà nước chỉ được thực hiện những hoạt động pháp luật cho phép, hạn chế can thiệp vào nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan khác; cơ quan quản lý nhà nước cấp trên có thẩm quyền và trách nhiệm kiểm

soát thực hiện đối với cơ quan cấp dưới theo quy định của pháp luật. Dưới góc độ tiếp cận từ bản chất chế độ ta được quy định tại Điều 2, Hiến pháp 2013 “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...”, thì phân quyền quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương là sự ủy quyền của nhân dân tại các quy định của pháp luật.

Phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương nói chung và trong nông nghiệp nói riêng là việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện thường xuyên, lâu dài, ổn định trên cơ sở pháp luật. Theo đó, phân cấp được áp dụng trong hoạt động quản lý nhà nước giữa các cấp, cơ quan phân cấp liên đới chịu trách nhiệm tới cùng mọi hoạt động quản lý đã phân cấp cho cơ quan cấp dưới.

Phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương

hợp lý sẽ bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ, phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của cơ quan nhà nước cấp dưới. Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực ở Trung ương tập trung vào hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng chiến lược, cải cách thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý, kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước đối với cấp dưới.

Ngày 10/01/2022 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 04/2022/NQ-CP về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã xác định tiếp tục quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp, phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cơ quan quản lý nhà nước và người đứng đầu, tăng cường kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực,



hiệu quả quản lý nhà nước. Nghị quyết này phân định giữa phân quyền, phân cấp về ngành, lĩnh vực tập trung vào hoàn thiện các quy định phân quyền quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương theo ngành, lĩnh vực; hoàn thiện phân cấp giữa Chính phủ với các bộ, ngành và phân cấp giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương theo ngành, lĩnh vực.

Quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước, chúng tôi thấy rằng, trong thời gian tới việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương về nông nghiệp cần tập trung vào công việc chủ yếu sau:

Một là, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật chuyên ngành, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành, giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền phù hợp với Nghị quyết của Đảng, Hiến pháp năm 2013, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng thể chế hóa quan điểm chỉ đạo:

Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách.

Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến nông nghiệp trong

phạm vi cả nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không quyết định các vấn đề đã quy định thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng và chính quyền địa phương đã được phân quyền theo quy định của pháp luật.

Hai là, hoàn thiện các quy định phân quyền quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và chính quyền địa phương liên quan trong lĩnh vực nông nghiệp về: đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; đất nông nghiệp; rừng, biển; phát triển nông thôn; và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba là, hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với chính quyền địa phương liên quan trong nông nghiệp về: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, phát triển nông thôn; cùng với các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực này.

Thực tiễn phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương về nông nghiệp - những vấn đề đặt ra

Theo quy định của pháp luật hiện hành, phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương về nông nghiệp phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản là: (i) Việc phân quyền quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương quy định trong Hiến pháp và luật; (ii) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với chính quyền địa phương tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện

quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; (iii) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn luật phân quyền cho địa phương.

Hiện nay, phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương về nông nghiệp được quy định thống nhất và chung nhất như các lĩnh vực khác của quản lý nhà nước tại Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền, địa phương năm 2019. Tuy nhiên, quản lý nhà nước về nông nghiệp rất đa dạng và rộng lớn, do vậy, cùng với thực hiện các quy định chung tại Hiến pháp, luật về tổ chức chính quyền, thì phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương trong lĩnh vực nông nghiệp còn được quy định chi tiết, cụ thể hơn tại nhiều luật chuyên ngành như: Luật Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật năm 2013; Luật Thú y năm 2015; Luật Thủy lợi năm 2017; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Thủy sản năm 2017; Luật Trồng trọt năm 2018; Luật Hợp tác xã năm 2023.

Căn cứ quy định tại Điều 39 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015: “Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc” và “Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng bộ, cơ quan ngang bộ”. Ngày 22/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị định

105/2022/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Theo đó, “Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, phát triển nông thôn; quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật”. Cũng tại Nghị định 105/2022/NĐ-CP, Chính phủ quy định chi tiết phân cấp quản lý nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 39 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn.

Theo quy định tại Điều 25 của Luật Tổ chức Chính phủ 2015, Chính phủ thực hiện việc phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, Chính phủ phân cấp cho chính quyền địa phương quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của chính quyền địa phương. Căn cứ vào năng lực và điều kiện cụ thể của chính quyền địa phương, Chính phủ có thể ủy quyền cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ phù hợp.

Chính quyền địa phương gồm 3 cấp: tỉnh, huyện, xã. Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước

nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ở chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện có cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về nông nghiệp là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước chuyên ngành về nông nghiệp cấp trên; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

Theo quy định tại Thông tư 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sở này chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ở các huyện hoặc Phòng Kinh tế ở các thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc Trung ương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp;

thủy lợi; thủy sản; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Phòng Kinh tế chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp rất phức tạp, được thể hiện ở nhiều luật, đồng thời nhiều nội dung luật tiếp tục được quy định chi tiết tại các văn bản quy phạm pháp luật. Về cơ bản quy định hiện hành về phân quyền về nông nghiệp đã quán triệt và thể chế hóa các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tuy vậy, thực tiễn cũng đặt ra yêu cầu thường xuyên đẩy mạnh và rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật đồng bộ, khả thi, loại bỏ trùng lặp, không để khoảng trống, hài hòa hóa với thông lệ quốc tế; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Chính phủ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với chính quyền địa phương; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, nhất là người đứng đầu, đảm bảo

quyền và lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực. Quán triệt chủ trương phân giao cho chính quyền địa phương quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng, khai thác tối đa các tiềm năng của địa phương; mỗi cấp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp, nhưng một việc không giao quá hai cấp hành chính quản lý trên nguyên tắc cấp chính quyền nào gần và phục vụ người dân tốt nhất, có đầy đủ thông tin nhất, có khả năng cân đối tài chính để giải quyết vấn đề thì phân giao cấp đó thực hiện quản lý; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạch định chính sách, công tác kiểm tra, giám sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đối với chính quyền địa phương. Chẳng hạn, để thể chế hóa mạnh mẽ tư tưởng phân cấp, phân quyền từ Trung ương cho

địa phương về thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, cần thiết phải rà soát, sửa đổi bổ sung pháp luật về nông nghiệp thống nhất, đồng bộ Luật Đất đai năm 2024. Theo đó, phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên trước khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định; Chính phủ sớm quy định về điều kiện, tiêu chí, chế tài để kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng các loại đất này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; hướng dẫn các địa phương kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ

và Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 và Nghị quyết số 04/NQ-CP về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản nhà nước; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế.

Tiến hành quyết liệt, đồng bộ, thông suốt công tác cải cách hành chính; đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành; phát huy sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số từng bước hiệu quả, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trọng tâm là cải cải cách thể chế, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ và điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành, giảm thời gian, chi phí hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.



NHÌN LẠI MỘT NĂM

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI II HỘI KHOA HỌC KINH TẾ NN&PTNT VIỆT NAM

ThS. Tạ Hữu Nghĩa

Phó Tổng thư ký, Chánh Văn phòng Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam

Có thể nói, sau Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 2022-2027) hoạt động của Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam, đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Vai trò của tổ chức Hội và mỗi cán bộ, hội viên ngày càng được khẳng định rõ nét trong các lĩnh vực nghiên cứu, phản biện chính sách, tư vấn và chuyển giao

khoa học kinh tế NN&PTNT.

Kế thừa và phát huy truyền thống của Hội “Đoàn kết - đồng hành - đổi mới - hiệu quả” trong năm qua, Ban chấp hành, Ban Thường vụ Hội và hội viên đã có nhiều cố gắng, vượt qua khó khăn, thách thức đưa Hội đi vào hoạt động nề nếp với nhiều hoạt động thiết thực. Sau một năm nhìn lại, Hội đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận.



Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 2022-2027) tổ chức ngày 29/12/2022

Hiện nay, Hội có hơn 200 hội viên, trong đó có 31 Giáo sư, Phó Giáo sư (chiếm 17,9%), 55 Tiến sĩ (chiếm 28,3%). Các hội viên đã và đang công tác tại một số trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh, thuộc các lĩnh vực kinh tế, sinh học, nông nghiệp, luật, truyền thông... Năm 2023, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 2022-2027); với nhân sự Ban chấp hành, Ban Thường vụ mới trẻ trung, năng động, nhiệt tình. Hội đã chủ động, sáng tạo, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động, lựa chọn các nhiệm vụ có trọng tâm trọng điểm, có địa chỉ cụ thể, hướng mạnh các hoạt động về phối hợp công tác với các cơ quan nhà nước, tăng cường tập hợp thu hút hội viên, thực hiện tốt công tác nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ngay sau khi Đại hội Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam được tổ chức ngày 29/12/2022, Ban chấp hành Hội đã căn cứ Nghị quyết về phương hướng hoạt động, những chỉ tiêu chính của Hội trong nhiệm kỳ II xây dựng: (1) Chương trình công tác toàn khóa số 08/CT-HKT ngày 18/01/2023. Trên cơ sở Chương trình công tác toàn khóa, Ban Thường vụ đã xây dựng Chương trình công tác năm 2023 để làm cơ sở tổ chức thực hiện; (2) Ban hành các quy chế: Quy chế hoạt động của Hội (Quyết định số 22/QĐ-KHKTTN-VP ngày 10/4/2023), Quy chế quản lý tài chính Hội (Quyết định số 19/QĐ-KHKTTN-VP ngày 23/3/2023), Quy chế Ban kiểm tra (Quyết định số 52/QĐ-KHKTTN-VP ngày 30/5/2023, Quy chế thi đua, khen thưởng (Quyết định số...) và Quy chế kết nạp hội viên (cá nhân, tổ chức) vào Hội; (3) Kiện toàn tổ chức, lập các phòng ban chuyên trách; thành lập 2 Trung tâm và xin giấy phép xuất bản Đặc san Kinh tế Nông nghiệp. Hiện nay, Hội có: 05 phòng ban, 01 Viện, 02 Trung tâm và 03 Chi hội. Để lãnh đạo toàn diện công tác của Hội, Chi bộ Hội



Công bố quyết định thành lập Trung tâm Khoa học & Tư vấn phát triển OCOP Việt Nam và Trung tâm Khoa học & Dịch vụ NNNT Việt Nam

Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam đã được thành lập và ra mắt ngày 24/12/2023.



Ra mắt Chi bộ Đảng – Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, ngày 26/1/2024

Trang website và Đặc san của Hội đi vào hoạt động với các nội dung phong phú, đa dạng; phối hợp với Kênh truyền hình VTC16 đăng tải phóng sự, diễn đàn, video về các hoạt động của Hội và Diễn đàn Khoa học về nông nghiệp; Diễn đàn Kinh tế nông nghiệp; thông tin sản phẩm và thương hiệu; doanh nghiệp nông nghiệp; giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Hoạt động phối hợp công tác giữa Hội với Bộ



Hội thảo góp ý Luật đất đai sửa đổi 2023



Ra mắt Đặc san Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam

NN&PTNT và các Bộ, ngành địa phương được thực hiện với nhiều nội dung phong phú, được Bộ trưởng Lê Minh Hoan và các đồng chí Thứ trưởng Bộ NN&PTNT quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ. Hội đã làm việc và ký Chương trình phối hợp với một số đơn vị thuộc Bộ như: Cục Lâm nghiệp, Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp. Đồng thời, Hội đã làm việc với các địa phương như Sở NN&PTNT các tỉnh: Tuyên Quang, Lạng Sơn, Ninh Bình, Lai Châu và UBND huyện Thanh Hà về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; làm việc và ký kết chương trình phối hợp công tác với Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Quỹ môi trường Việt Nam.



Lễ ký kết chương trình phối hợp giữa Hội Khoa học kinh tế NN&PTNT Việt Nam và Trung tâm xúc tiến Thương mại nông nghiệp

Thực hiện các hoạt động khoa học, hội thảo, hội nghị: Hội đã phối hợp với Trường Đại học Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp, Ban quản lý Dự án Lâm nghiệp, Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT tổ chức Hội thảo “Góp ý Luật Đất đai sửa đổi trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp” ngày 28/2/2023. Hội đã xuất bản cuốn Tài liệu “Góp ý Luật Đất đai sửa đổi trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp”. Phối hợp với Sở NN&PTNT Đắk Lắk, Trung tâm Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên vùng cao, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên tổ chức thành công các hội thảo về giao đất, giao rừng, quản lý bảo vệ rừng tự nhiên theo Chỉ thị 13/CT-TW của Ban Bí thư. Tham gia nhiều hội thảo của Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Quốc hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Viện Nghiên cứu Lập pháp của Quốc hội... về Luật Đất đai sửa đổi, Chỉ thị số 13/NQ-TW về

tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Luật Hợp tác xã, Nghị định về cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn (thay thế ND 57/ND-CP), Hội thảo APEC “Về thúc đẩy sự tham gia của nông dân tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu” (Bộ Công Thương phối hợp với Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương), Hội thảo “Nguồn lực tài chính cho ứng phó và khắc phục tổn thất tài chính do thảm họa thiên tai” (Bộ Tài chính phối hợp với UNDP)...

Công tác tư vấn, góp ý xây dựng chính sách: góp ý Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi của Việt Nam năm 2023 gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ NN&PTNT. Xây dựng báo cáo tham vấn với các bên liên quan về giao đất giao rừng, quản lý rừng tự nhiên và các mâu thuẫn giữa sử dụng đất và rừng trong quá trình thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW của Ban Bí thư. Cử chuyên gia tham gia báo cáo đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 cho dự án JICA về tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2), đánh giá sử dụng rừng đặc dụng...

Tư vấn khoa học phát triển OCOP: Hội đã xây dựng và hoàn thiện 05 bộ hồ sơ tham gia đánh giá phân hạng OCOP tại huyện Mộc Châu (Sơn La). Tham gia tổ chức đánh giá, phân hạng tại Mộc Châu cho 3 sản phẩm 3 sao và chuyển hội đồng tỉnh đánh giá 02 sản phẩm 4 sao; Hội thảo về “Phát triển các mô hình kinh tế tập thể gắn với sản phẩm OCOP năm 2023”; tham gia thử nghiệm cấp quốc gia “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển một số sản phẩm từ dừa theo chuỗi liên kết phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 tại tỉnh Điện Biên”; phối hợp nghiên cứu khả thi dự án mô hình “Sản xuất sản phẩm OCOP từ tre gắn với phát triển vùng nguyên liệu chế biến tre bền vững” tại huyện Mai Sơn (Sơn La), Mô hình bán hàng OCOP gắn với chợ dân sinh trên địa bàn quận Long Biên (Hà Nội).

Hoạt động hợp tác với các tổ chức quốc tế: Hội đã tham gia đề xuất với UNDP dự án: “Xây dựng thị trường tín chỉ carbon rừng ở vùng Tây Nguyên”; tham gia đề xuất với Đại sứ quán Canada dự án: “Tăng cường tham gia của phụ nữ trong phát triển kinh tế bền vững ở vùng dân tộc và miền núi”.

Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác xã: Hội đã làm việc với Công ty Cổ phần Quỹ môi trường Việt Nam nghiên cứu, làm thí điểm, đánh

giá, ứng dụng công nghệ kiểm đếm, tính toán và trữ lượng hấp thụ CO₂; phối hợp với Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao triển khai gói nghiên cứu và đề xuất chính sách liên kết theo chuỗi giá trị rau quả của doanh nghiệp này.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận nêu trên, song hoạt động của Hội vẫn còn những khó khăn, hạn chế như: Công tác quy tụ, phát huy năng lực sở trường, trí tuệ của hội viên cho các hoạt động của Hội còn hạn chế; chưa tạo được môi trường, phương pháp sinh hoạt để các hội viên tham gia đóng góp ý tưởng, trí tuệ, công sức, vật chất vào các hoạt động chung của Hội. Các đơn vị trực thuộc Hội được thành lập theo các quy định của pháp luật, nhưng chưa phát huy được vai trò của mình, chưa đưa ra được các hoạt động phù hợp với cơ chế hiện nay. Các Chương trình phối hợp giữa Hội và các tổ chức chưa được triển khai cụ thể, hiệu quả...

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 - bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác Hội năm 2024, Hội đã xác định:

Một là, tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; chăm lo quyền lợi và lợi ích chính đáng của hội viên. Tổ chức các hoạt động khoa học về kinh tế NN&PTNT; các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân để phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới phù hợp với các quy định của pháp luật. Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Hai là, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thường vụ, Ban chấp hành và các Ban thuộc Hội trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã đề ra.

Ba là, phát huy tính chủ động, sáng tạo của Viện, Trung tâm, các Chi hội thuộc Hội và hội viên trong triển khai tổ chức thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ. Cụ thể:

Phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất các dự án, đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học kinh tế NN&PTNT đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; thực hiện một số dịch vụ công Nhà nước giao về các lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy

định của pháp luật.

Tư vấn, đề xuất, kiến nghị, góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế NN&PTNT.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức sản xuất của nông dân; tư vấn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ nông dân về các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn (chuyển đổi số, phát triển chuỗi giá trị, phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản, tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp).

Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức xúc tiến thương mại cho nông dân, hợp tác xã tham gia vùng nguyên liệu (tại Hà Nội) theo Chương trình của Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp năm 2023.

Tư vấn hỗ trợ phát triển OCOP: Tư vấn hoàn thiện hồ sơ tham gia Chương trình OCOP; tư vấn phát triển sản phẩm theo phân khúc thị trường; tập huấn triển khai Chương trình OCOP; phối hợp, kết nối triển khai các chương trình đào tạo về kinh doanh, tài chính, thị trường... nhằm hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển đổi số vào sản xuất, chế biến, bảo quản, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ nông sản, sản phẩm OCOP cho các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Phối hợp với các đơn vị tổ chức đào tạo và xây dựng tài liệu, sổ tay, bài giảng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đối tượng là: các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hộ nông dân để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn hiện hành.

Hợp tác, phối hợp, liên kết với các với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, chia sẻ các hoạt động khoa học thuộc lĩnh vực của Hội phù hợp với quy định của pháp luật. Tham gia các chương trình dự án quốc tế về lâm nghiệp, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đang thực hiện (nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn... tại Việt Nam, nước ngoài).

Bốn là, tăng cường hợp tác phối hợp giữa Hội với các đơn vị thuộc Hội, các hội nghề nghiệp khác và với các cơ quan, doanh nghiệp, trang trại và nông dân trong việc chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm và thu nhập cho nông dân.

Năm là, đẩy mạnh truyền thông các hoạt động của Hội và hội viên trên lĩnh vực khoa học kinh tế NN&PTNT góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đa giá trị, bền vững.

Xây dựng Đặc san của Hội thành một sản phẩm có ý nghĩa chính trị, là tiếng nói của Hội để truyền tải, cầu nối thông tin, truyền thông giữa Trung ương và địa phương nhằm giúp Bộ NN&PTNT tìm ra những vướng mắc cần tháo gỡ trong thực tiễn triển khai chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; truyền tải các bài biết, các kết quả nghiên cứu khoa học về kinh tế NN&PTNT đến toàn thể xã hội; là diễn đàn về khoa học kinh tế nông nghiệp; đồng thời thông tin, quảng bá các mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ nông dân.

Nâng cấp và phát huy website của Hội với các nội dung phong phú, đa dạng là diễn đàn trao đổi của hội viên về khoa học kinh tế nông nghiệp; đồng thời thông tin, quảng bá các mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ nông dân điển hình làm ăn kinh tế tế giỏi ở các địa phương, vùng miền để nhân rộng.

Sáu là, đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy vai trò của hội viên: Xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động để kết nối hoạt động giữa các bộ phận, đơn vị của Hội với các Chi hội và hội viên theo các nhóm chuyên đề, lĩnh vực khoa học để phát huy trí tuệ, sức mạnh sáng tạo của hội viên đóng góp cho các hoạt động của Hội. Với phương châm: “Vui - khỏe - có ích cho xã hội”. Xây dựng và thực thực hiện các hoạt động thi đua, phát huy sáng kiến, thực hiện biểu dương, khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp cho các hoạt động của Hội, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên.

Với những kết quả đã đạt được sau hơn một năm nhìn lại, có thể khẳng định Hội Khoa học Kinh tế NN&PTNT Việt Nam đã và đang từng bước khẳng định vai trò, vị thế của tổ chức Hội trong phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam; đồng thời khẳng định rõ nét những đổi mới, phát triển của Hội thời gian tới. Đây là tiền đề quan trọng để hội viên, các nhà khoa học, tích cực xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, góp phần xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.





Nỗ lực gỡ “Thẻ vàng”

Cho sản phẩm thủy hải sản khai thác

Dự kiến tháng 4/2024, Ủy ban châu Âu (EC) sẽ trở lại lần thứ năm và đưa ra quyết định về việc có gỡ hay không đối với cảnh báo “thẻ vàng” cho sản phẩm thủy hải sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường châu Âu (EU). Việt Nam không còn nhiều thời gian để hành động cho nỗ lực tiếp tục đưa thủy hải sản Việt Nam vào thị trường EU. Trước thời điểm then chốt này, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phùng Đức Tiến đã có những chia sẻ về những việc phải làm của các cấp, các ngành, các địa phương và ngư dân cả nước để gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC.

Vì sao EC lại rút “thẻ vàng” đối với khai thác thủy sản của Việt Nam, thưa Thứ trưởng?

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến:

Việt Nam là một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu thủy hải sản đứng thứ 3 thế giới, sau Trung Quốc và Na Uy. Trong đó, EU là một trong 3 thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm 15 - 17% tổng số xuất khẩu thủy hải sản.

Tuy nhiên, việc quản lý nguồn lợi và khai thác thủy hải sản vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, phát triển thiếu bền vững, chưa đáp ứng đầy đủ các quy định pháp lý về quản lý nghề cá. Vì vậy, ngày 23/10/2017, EC đã cảnh báo “thẻ vàng” đối với sản phẩm thủy hải sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU vì chưa đáp ứng quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (Khai thác IUU).

Thứ trưởng có thể cho biết tác động của “thẻ vàng” đối với hoạt

động xuất khẩu thủy hải sản Việt Nam sang EU?

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến: Phát triển kinh tế biển đã đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam; tạo công ăn việc làm cho hơn 800 nghìn ngư dân và khoảng 4 triệu lao động làm các nghề dịch vụ thủy sản ven biển. Việc bị EC áp “thẻ vàng” gây thiệt hại lớn cho hoạt động xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam vào EU. Tính đến năm 2023, mặc dù hoạt động xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam vào EU chưa bị dừng hẳn nhưng đã giảm khá rõ.

Tác động gián tiếp là giảm sút uy tín, gia tăng gánh nặng kiểm soát hải quan đối với sản phẩm nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu vào EU và không tận dụng được thế mạnh của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Nếu lệnh cấm kéo dài

có thể gây gián đoạn xuất khẩu thủy hải sản Việt Nam, ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng ngư dân ở 28 tỉnh, thành phố ven biển và mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu hằng năm từ 7 - 9% và đạt 16 - 18 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu vào năm 2030.

Việt Nam đã có những nỗ lực nào để gỡ “thẻ vàng” của EC, thưa Thứ trưởng?

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến: Ngay sau khi EC cảnh báo “thẻ vàng”, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực hiện các khuyến nghị từ EC về chống khai thác IUU, nhất là về hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, Thường trực Ban Bí thư đã ban hành văn bản số 81-CV/TW ngày 20/3/2020 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống khai thác IUU; coi đây là nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách tại địa phương.

Tháng 11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật thủy sản 2017 (sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản 2013), chính thức có hiệu lực ngày 1/1/2019. Luật Thủy sản 2017 đã tạo khung pháp lý đủ rộng để nghề cá Việt Nam dần đáp ứng yêu cầu quốc tế, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Việc thông qua Luật Thủy sản 2017 giúp Việt Nam chủ động tránh các thẻ đỏ IUU, nâng cao năng suất khai thác và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản khai thác có nguồn gốc, phát triển nền thủy sản Việt Nam một cách bền vững, góp phần ổn định trật tự trên biển, đẩy mạnh phát triển kinh tế đất nước kết hợp bảo vệ an ninh quốc phòng.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương, nhất là 28 địa phương ven biển cũng đã tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực



Phát triển kinh tế biển đã đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. (Trong ảnh: Tàu thuyền tại vùng neo thôn Đông, xã An Hải, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi)

hiện các khuyến nghị từ EC về chống khai thác IUU. Cùng với việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức triển khai trong thực tiễn thì Việt Nam đã tích cực tham gia vào các điều ước quốc tế nhằm xây dựng một khuôn khổ pháp lý hoàn thiện điều chỉnh hoạt động khai thác IUU.

Sau 4 lần sang kiểm tra tính từ năm 2017, gần đây nhất là vào tháng 10/2023, các đoàn công tác EU đều đánh giá rất cao nỗ lực của phía Chính phủ Việt Nam trong quyết tâm nỗ lực gỡ “thẻ vàng” IUU. Tuy nhiên, qua quá trình kiểm tra trong thực tiễn vẫn còn một số vấn đề phát sinh đòi hỏi các doanh nghiệp, Hiệp hội thủy hải sản cần gây ra nhiều sức ép hơn, hướng dẫn nhiều hơn đối với ngư dân, doanh nghiệp để đảm bảo việc triển khai thực hiện các giải pháp chống IUU tốt trên thực tế, chứ không chỉ tốt trên văn bản cũng như trên các chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành.

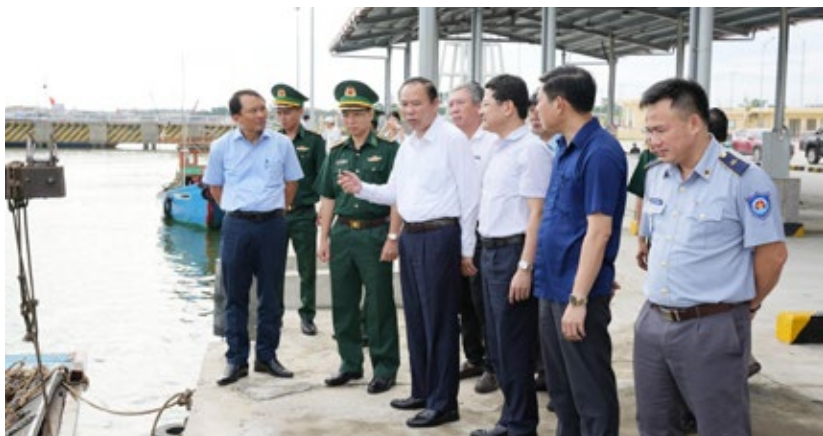
Tình hình sẽ như thế nào trong nếu chúng ta không gỡ được “thẻ vàng” của EC, thưa Thứ trưởng?

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến: Dự kiến tháng 4/2024, EC sẽ trở lại lần thứ năm và đưa ra quyết

định về việc có gỡ hay không đối với cảnh báo “thẻ vàng” cho sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam. Nếu không được EC gỡ “thẻ vàng”, thủy hải sản của Việt Nam vào châu Âu bị kiểm hết tất cả các lô hàng trong 1 container, chi phí tốn 800 bảng Anh (khi không vương “thẻ vàng”, chỉ cần kiểm đại diện 1 lô). Tình hình tệ hơn nữa là “thẻ đỏ”, EU sẽ không nhập thủy hải sản của Việt Nam, ngành hàng này của DN và nông dân sẽ điêu đứng. Việc quan trọng thứ 2 là nhiều nước khác cũng đang muốn áp dụng các quy định như EC, viễn cảnh này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến Việt Nam.

Từ nay đến tháng 4/2024, để gỡ “thẻ vàng” thì cần tập trung khắc phục những tồn tại gì, thưa Thứ trưởng?

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến: Đầu tiên là khắc phục tình trạng tàu cá, ngư dân vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Từ đầu năm 2023 đến nay, tổng cộng đã xảy ra 64 tàu/550 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý; riêng từ sau thời điểm đoàn kiểm tra của EC sang lần thứ 4 đến nay, tiếp tục xảy ra



Thư trưởng Phùng Đức Tiến cùng đoàn công tác Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra cảng cá Thuận An, tỉnh Thừa Thiên Huế tháng 6/2023.

17 tàu/190 ngư dân bị các nước Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a bắt giữ, xử lý. Bên cạnh đó phải kiểm soát thực trạng đội tàu cá tại địa phương. Hiện cả nước vẫn có khoảng 17.364 tàu “03 không” (không đăng ký, không đăng kiểm, không cấp phép), chiếm 20,10% đội tàu cả nước. Ngoài ra cần xử lý tình trạng tàu

tác của EC sang Việt Nam lần thứ năm là không còn nhiều; chúng ta lại đón Tết Nguyên đán cổ truyền. Tuy nhiên, việc gỡ “thẻ vàng” là vấn đề cấp bách không chỉ của riêng ngành Nông nghiệp mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của các cộng đồng ngư dân.

Do đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị Chính phủ sớm thông qua, ban hành 02 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Ban, Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện nghiêm túc Công điện số 1058/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các ý kiến chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU.

Trong đó, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tiếp tục thực hiện toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tạo sự chuyển biến trong ngăn chặn tàu cá vi phạm bất hợp pháp ở vùng biển nước

ngoài đến tháng 4/2024; Bộ Công an thực hiện đợt cao điểm đến tháng 4/2024 trong điều tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi môi giới, móc nối; đưa ra truy tố, xét xử các trường hợp vi phạm.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển cần tập trung nguồn lực, chỉ đạo thực hiện cao điểm xác minh, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, ngắt kết nối VMS... tạo bước đột phá trong công tác thực thi pháp luật. Đồng thời theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tàu cá của tỉnh và ngoài tỉnh hoạt động tại địa phương, giám sát chặt chẽ sản lượng thủy sản khai thác bốc dỡ qua cảng cá chỉ định, kể cả các cảng cá, bến cá tư nhân, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc.

Trân trọng cảm ơn Thư trưởng!

Thùy Như (thực hiện)



Việc gỡ “thẻ vàng” là vấn đề cấp bách không chỉ của riêng ngành Nông nghiệp mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. (Trong ảnh: Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau tăng cường tuyên truyền ngư dân, thuyền trưởng, chủ tàu đánh bắt cá tuân thủ các quy định khi ra khơi)

cá vi phạm quy định ngắt kết nối VMS. Từ đầu năm 2023 đến nay xảy ra gần 5.000 lượt tàu mất kết nối trên 10 ngày...

Thư trưởng có thể cho biết những giải pháp cấp bách nhất cần triển khai trong thời điểm then chốt này để gỡ “thẻ vàng” của EC?

Thư trưởng Phùng Đức Tiến: Từ nay đến khi đoàn công

Từ năm 2012 đến tháng 5/2022, có 27 nước đã bị EC cảnh báo thẻ; trong đó, 21 nước bị cảnh báo “thẻ vàng” và 06 nước bị áp dụng biện pháp “thẻ đỏ”. Đến năm 2023, đã có 3 nước gỡ được “thẻ đỏ”, 14 nước gỡ được “thẻ vàng”. Kể từ khi Ủy ban châu Âu (EC) áp thẻ vàng đối với thủy sản ngày 23/10/2017, cả hệ thống chính trị của Việt Nam đã vào cuộc, triển khai quyết liệt nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm các vi phạm về khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định. Những nỗ lực, quyết tâm của Việt Nam đã đem lại kết quả rất tích cực được các đoàn kiểm tra của EC ghi nhận 04 đợt kiểm tra trước đây.



Ba con đường hướng tới nhà ở xanh hòa nhập cho phụ nữ ở châu Á và Thái Bình Dương

TS. Hạ Thúy Hạnh
(Tổng hợp từ ADB Blog - adb.org)

Giai quyết nhu cầu cấp thiết của châu Á và Thái Bình Dương về nhà ở xanh, với giá thành phải chăng là rất quan trọng đối với khả năng phục hồi và phát triển bền vững của phụ nữ. Điều này đòi hỏi các chính sách phải toàn diện, tính nhận thức cao, chính sách tài chính hướng về giới và khả năng ứng dụng công nghệ khi tiếp cận các nguồn tài chính.

Những mối nguy hiểm về thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu gây ra đang làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu nhà ở trên toàn thế giới. Theo UN Habitat, trên toàn cầu, 60% dân số sống trong điều kiện thiếu nhà ở.

Từ năm 2010 đến 2021, khoảng 225,3 triệu người ở châu Á và Thái Bình Dương đã phải di dời do các hiểm họa liên quan đến thời tiết. Điều này đã làm tăng thêm khoảng hơn 1 tỷ người trên toàn cầu không được tiếp cận với nhà ở đáng hoàng, trong đó 60% sống ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương.

Trong khi biến đổi khí hậu gây ra tình trạng thiếu nhà ở giá rẻ thì việc thiếu “Nhà ở xanh” với giá thành phải chăng lại làm trầm trọng thêm tình trạng biến đổi khí hậu. Những người không đủ khả năng

sống trong những ngôi nhà cách nhiệt tốt và tiết kiệm năng lượng có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào những ngôi nhà gây phát thải carbon nhiều hơn.

Trên toàn cầu, lĩnh vực nhà ở là nguyên nhân của gần 40% lượng khí thải carbon dioxide. Đây cũng là nơi sử dụng 40% mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu. Ví dụ, chỉ riêng ở Ấn Độ, các khu dân cư thải ra 7% lượng khí thải nhà kính của cả nước và tiêu thụ hơn 25% tổng lượng điện, khiến ngành này trở thành ngành tiêu thụ điện lớn thứ ba.

Để giảm những hậu quả môi trường của nhà ở, đòi hỏi phải thay đổi thói quen tiêu thụ năng lượng, nước và sử dụng vật liệu xây dựng bền vững. Thiết kế và xây dựng nhà ở thích ứng với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu có thể tăng cường khả năng phục hồi và hỗ trợ các nỗ lực giảm nhẹ thiên tai.

Biến đổi khí hậu đặc biệt phụ nữ bị ảnh hưởng, do phụ nữ thường không có khả năng tiếp cận tài sản của các chủ sở hữu trên khắp châu Á và Thái Bình Dương. Theo báo cáo tài chính nhà ở năm 2023 ở một số quốc gia, ở Indonesia, chỉ 1/5 phụ nữ ở khu vực nông thôn có thể có sở hữu nhà ở. Với nhu cầu rất lớn nhưng cơ hội tiếp cận nhà ở công bằng cho

phụ nữ chưa được đáp ứng. Một số nghiên cứu gần đây cho thấy, nhu cầu ước tính về khoản vay mua nhà của phụ nữ ở Ấn Độ lên tới 32,3 tỷ USD, tuy nhiên việc phụ nữ sở hữu nhà là rất hiếm.

Nhiều phụ nữ ở châu Á và Thái Bình Dương làm việc trong khu vực phi chính thức, vì vậy kết quả là họ thiếu lịch sử tín dụng và tài liệu cần thiết để tiếp cận nguồn tài chính, trong đó bao gồm cả các khoản vay mua nhà. Vì vậy, phụ nữ ít có khả năng làm chủ nhà hơn nam giới do thiếu thu nhập đầy đủ và ổn định. Mặt khác, các chuẩn mực xã hội truyền thống hạn chế khả năng thực hiện quyền thừa kế, sở hữu đất đai và tài sản hợp pháp. Phụ nữ thường không được tham gia vào việc hoạch định chính sách và ra quyết định liên quan đến quy hoạch, thiết kế và xây dựng nhà ở. Nhất là nhà ở xanh theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu.

Mặc dù phụ nữ tụt hậu và thiệt thòi so với nam giới trong việc sở hữu nhà nhưng họ đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu bằng cách áp dụng các biện pháp bền vững tại nhà, chẳng hạn như đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch, bao gồm tấm pin mặt trời và bếp nấu sạch. Phụ nữ thường có xu hướng trở thành người tiêu dùng bền vững hơn và nhạy cảm hơn với các mối quan tâm về sinh thái, môi trường và sức khỏe.

“Điều cấp thiết là phải cung cấp nhà ở xanh với giá cả phải chăng cho phụ nữ”

Điều cấp thiết là phải cung cấp nhà ở xanh với giá thành phải chăng cho phụ nữ. Các con đường tiềm năng để làm cho nhà ở xanh trở nên toàn diện hơn bao gồm:

Một là, xây dựng các chính sách và ưu đãi khuyến khích các nhà phát triển xây dựng nhà ở xanh toàn diện và giá cả phải chăng. Để bắt đầu, cần phải đưa ra các chính sách yêu cầu thực hành thiết kế và xây dựng có ý thức về môi trường cùng với các tiêu chuẩn nhà ở bền vững. Điều quan trọng nữa là phải khuyến khích các nhà phát triển xây dựng những ngôi nhà xanh với giá thành phải chăng và giúp họ hiểu rõ hơn về các khía cạnh liên quan đến giới, quan tâm đến yếu tố giới của những tòa nhà mà họ xây dựng.

Hai là, nâng cao nhận thức về lợi ích lâu dài của nhà ở xanh. Chi phí mua nhà xanh cao hơn, kết hợp với việc thiếu hiểu biết về lợi ích lâu dài trong việc tiết kiệm hóa đơn năng lượng và giảm mức tiêu thụ nước, đã cản trở nhiều người mua nhà, trong đó có cả phụ nữ, lựa chọn phương án nhà xanh. Vì vậy,

việc nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích lâu dài của nhà ở xanh là rất cần thiết.

Khuyến khích các tổ chức tài chính cung cấp các lựa chọn tài chính xanh toàn diện, giá cả phải chăng phù hợp cho phụ nữ. Các tổ chức tài chính cần đánh giá cao trường hợp kinh doanh cho phụ nữ vay, vì họ có thể đưa ra các lựa chọn tài chính phù hợp với phụ nữ, bao gồm cả tài chính nhà ở xanh, chẳng hạn như cung cấp kế hoạch trả nợ linh hoạt hoặc lãi suất hấp dẫn nếu tài sản được sở hữu hoặc đồng sở hữu, hoặc thuộc sở hữu của một phụ nữ.

Các tổ chức tài chính nên thu thập và sử dụng dữ liệu phân tách theo giới để hiểu rõ hơn về quy định tài chính của phụ nữ. Có thể thiết kế các giải pháp tài chính nhà ở nhằm giải quyết những thách thức cụ thể của họ, chẳng hạn như việc họ không có đủ vốn trả trước. Hơn nữa, điều quan trọng là các tổ chức tài chính phải hiểu rõ các tiêu chí kỹ thuật xác định “Công trình xanh” một cách nhất quán. Các nguyên tắc phân loại tài chính xanh quốc gia hoặc các tiêu chí xây dựng nhà ở và thương mại của Sáng kiến Trái phiếu khí hậu hoặc Hiệp hội Thị trường vốn quốc tế cung cấp các khung hữu ích.

Ba là, công nghệ và các công cụ kỹ thuật số cũng có thể hỗ trợ phụ nữ tiếp cận tài chính nhà ở. Ví dụ, một số người cho vay trong khu vực đang giới thiệu các ứng dụng kỹ thuật số yêu cầu sự tham gia của những người đi vay là phụ nữ. Những người cho vay khác tận dụng dữ liệu thay thế, chẳng hạn như dữ liệu giao dịch từ các công ty viễn thông và các khoản thanh toán tiền thuê mặt bằng kinh doanh, làm đầu vào cho các mô hình chấm điểm tín dụng nhằm giúp giải quyết tình trạng thiếu lịch sử tín dụng của phụ nữ.

Các tổ chức tài chính có thể hợp tác với các nhà phát triển bất động sản và các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ tài chính cho phụ nữ và vì mục đích xanh, cũng như xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức về nhu cầu và lợi ích của “Ngôi nhà xanh”.

Bằng cách trao quyền cho phụ nữ tiếp cận các khoản vay để mua nhà an toàn, bền vững và giá thành phải chăng, bình đẳng giới có thể được thúc đẩy đồng thời góp phần vào sự phát triển xanh, công bằng và toàn diện ở châu Á và Thái Bình Dương.





Chọn tạo và phát triển giống ngô lai đơn QT55

Made in Việt Nam

PGS.TS. Lê Quý Tường

Khoa Nông học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang (Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Ngô là một trong những cây trồng chủ lực trên vùng đất đồi, đất bãi ven sông. Những năm gần đây, việc trồng ngô nhiều địa phương bị giảm cả về diện tích và sản lượng là do giống nhập khẩu quá cao, nhiều giống mới đưa vào chưa phù hợp với các vùng sinh thái từng vùng. Vì vậy, công tác chọn tạo và phát triển giống ngô lai mới đạt năng suất, chất lượng cao, có khả năng thích ứng rộng với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tập quán canh tác như giống ngô lai đơn QT55 là cần thiết hiện nay ở Việt Nam.

1. Vài nét về nguồn gốc và đặc điểm nông học chính của giống QT55

Giống ngô lai đơn QT55 được tạo ra từ tổ hợp lai (D4 x D54), do TS. Lê Quý Tường (Trung tâm khảo nghiệm giống, sản phẩm cây trồng quốc gia và TS. Lê Văn Ninh (Trường Đại học Hồng Đức - Thanh Hóa) từ năm 2017.

Từ kết quả đề tài nghiên cứu “Chọn tạo và phát triển giống ngô lai ngắn ngày, chịu hạn phục vụ sản xuất vùng khó khăn Duyên hải Nam Trung Bộ”, thực hiện năm 2009 - 2012, do TS. Lê Quý Tường làm chủ nhiệm, đã chọn tạo ra 4 dòng ngô thuần ưu tú: D4, D6, D8, D54. Các dòng ngô thuần này đã được sử dụng vào đề tài “Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai ngắn ngày, năng suất cao, chống chịu tốt, thích hợp với các vùng trồng ngô tỉnh Thanh Hóa”, thực hiện năm 2017 - 2019, do TS. Lê Văn

Ninh làm chủ nhiệm và TS. Lê Quý Tường làm thư ký đề tài. Đề tài đã được nghiệm thu năm 2020 với kết quả đạt loại xuất sắc, sản phẩm đề tài là giống ngô lai đơn QT55.

Giống QT55 có một số đặc điểm nông học chính như sau:

- Thời gian sinh trưởng: 115 - 120 ngày (vụ Xuân) và 100-110 ngày (Thu đông).
- Năng suất hạt 6,6-7,5 tấn/ha, thâm canh đạt 8 tấn/ha; năng suất ngô sinh khối 42-55 tấn/ha.
- Cây cao trung bình 203,8 cm, chiều cao đóng bắp trung bình 104,3 cm.
- Sâu đục thân (cấp 1-2), bệnh khô vằn (cấp 3), bệnh đốm lá lớn (cấp 1-2), bệnh thối thân (cấp 1-2); Cứng cây chống đổ tốt, chịu hạn khá, chịu rét khá.
- Thích ứng rộng, gieo trồng trong vụ Xuân, vụ Thu đông (các tỉnh phía Bắc) và vụ Đông xuân, Hè thu (các tỉnh phía Nam).
- Chủ động hạt giống trong nước, giá hạt giống rẻ hơn các giống nhập nội cùng nhóm thời gian sinh trưởng từ 20-25%.

2. Kết quả nghiên cứu khảo nghiệm

2.1. Kết quả khảo nghiệm diện hẹp từ năm 2017 đến năm 2019

- Tại tỉnh Thanh Hóa: Thời gian sinh trưởng 115-120 ngày (vụ Xuân), 100 -105 ngày (vụ Thu đông);



năng suất hạt khô 6,5-7,0 tấn/ha, năng suất ngô sinh khối 45-55 tấn/ha.

- Vùng Bắc Trung Bộ: Thời gian sinh trưởng 115-120 ngày (vụ Xuân), 100 -105 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 6,3-6,8 tấn/ha, năng suất ngô sinh khối 45-50 tấn/ha.

- Vùng đồng bằng sông Hồng: Thời gian sinh trưởng 118-120 ngày (vụ Xuân), 105 -110 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 6,8-7,5 tấn/ha.

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Thời gian sinh trưởng 112-115 ngày (vụ Đông xuân), 95 -100 ngày (vụ Hè thu); năng suất hạt khô 7,0-7,6 tấn/ha.

- Vùng Tây Nguyên: Thời gian sinh trưởng 115-117 ngày (vụ Đông xuân), 100 -105 ngày (vụ Hè thu); năng suất hạt khô 7,5-8,0 tấn/ha.

2.2. Kết quả khảo nghiệm diện rộng từ năm 2020 đến năm 2023:

- Ở tỉnh Thanh Hóa: Khảo nghiệm diện tích 20 ha từ năm 2018 - 2023, thời gian sinh trưởng 115-120 ngày (vụ Xuân), 100 -105 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 7,0-7,5 tấn/ha.

- Tỉnh Nghệ An: khảo nghiệm diện tích 2 ha từ năm 2021-2023, thời gian sinh trưởng 115-120 ngày (vụ Xuân), 100 -105 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 6,5-6,9 tấn/ha.

- Tỉnh Phú Thọ: khảo nghiệm diện tích 1 ha từ năm 2019, thời gian sinh trưởng 117-120 ngày (vụ Xuân), 105 -110 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 6,1-6,5 tấn/ha.

- Tỉnh Vĩnh Phúc: Khảo nghiệm diện tích 4 ha từ năm 2022 - 2023, thời gian sinh trưởng 117 - 120 ngày (vụ Xuân), 105 - 110 ngày (vụ Thu đông); năng suất hạt khô 6,3-7,0 tấn/ha, năng suất ngô sinh khối 42 - 50 tấn/ha.

- Tỉnh Bình Định: Khảo nghiệm diện tích 1 ha từ năm 2018 - 2019, thời gian sinh trưởng 112 - 115 ngày (vụ Đông xuân), 95 - 100 ngày (vụ Hè thu); năng suất hạt khô 7,5 - 8,0 tấn/ha.

- Tỉnh Quảng Ngãi: Khảo nghiệm diện tích 2 ha

từ năm 2022 - 2023, thời gian sinh trưởng 112 - 115 ngày (vụ Đông xuân), 95 - 100 ngày (vụ Hè thu); năng suất hạt khô 7,0 - 7,5 tấn/ha, năng suất ngô sinh khối 45 - 50 tấn/ha.

- Tỉnh Đắk Lắk: Khảo nghiệm diện tích 2 ha từ năm 2022 - 2023, thời gian sinh trưởng 115 - 117 ngày (vụ Đông xuân), 95 - 100 ngày (vụ Hè thu); năng suất hạt khô 7,0 - 8,2 tấn/ha, năng suất ngô sinh khối 50 -55 tấn/ha.

3. Triển vọng phát triển giống ngô lai QT55

Giống QT55 sẽ được mở rộng phát triển tại 4 vùng sinh thái: Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong vụ Xuân, vụ Thu đông (các tỉnh phía Bắc), vụ Đông xuân, vụ Hè thu (các tỉnh phía Nam), cụ thể mở rộng tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Đắk Lắk.

Phát triển giống QT55 trên các chân đất: Phù sa ven sông, suối, đất chuyên màu, đất trồng lúa chân vằn cao. Đất nhẹ, dễ thoát nước, pH 6-7.

Đơn vị cung ứng và phát triển giống QT55 ra sản xuất: Công ty TNHH Hạt giống Việt và Công ty CP giống cây trồng Việt Nam sẽ tiếp nhận chuyển giao và cung ứng hạt giống ra sản xuất, dự kiến từ 50-100 tấn giống/năm, tương đương diện tích 2.500-5.000 ha/năm.

4. Một số lưu ý về kỹ thuật canh tác giống ngô QT55

- Chọn đất và làm đất trồng ngô:

Chọn đất trồng ngô loại đất cát pha, đất thịt pha cát, đất nhẹ, dễ thoát nước, nhưng chủ động tưới tiêu khi cần thiết. Đất có độ dày canh tác > 4-5cm, pH 6-7.

Làm đất ngô kỹ, nhuyễn sạch cỏ dại và lên luống (liếp), rộng mặt luống 1m, 2 bên vét rãnh rộng 20cm, cao 25cm, đáy rãnh 15cm, để thoát nước khi cần.

Mỗi luống đất gieo đủ 2 hàng ngô.

- Thời vụ: gieo ngô theo khung thời vụ tốt nhất của từng địa phương. Lưu ý đối với các tỉnh phía Bắc, vụ Xuân gieo trong tháng 2 và vụ Thu đông gieo cuối tháng 8 và trong tháng 9.

Các tỉnh Nam Trung Bộ, vụ Đông xuân gieo cuối tháng 12 và trong tháng 1 để cho ngô trở cò và tung phần từ 20/3 - 10/4; Vụ Hè Thu, gieo cuối tháng 4 và trong tháng 5 để cho ngô trở cò, tung phần từ ngày 05/8 - 15/8. Các tỉnh Tây nguyên, vụ Đông

xuân gieo giữa tháng 11 và trong tháng 12 và vụ Hè thu gieo trồng tháng 5.

Trồng ngô sinh khối bằng giống QT55, do thời gian sau gieo 85-90 ngày thu hoạch vì vậy, trồng bằng giống QT55 ở các vùng sinh thái, trong 1 năm sẽ gieo 3-4 vụ, cắt cây ngô xanh làm thức ăn cho gia súc như bò sữa, bò thịt, trâu thịt.

- Lượng giống, mật độ và khoảng cách gieo:

Đối với trồng ngô lấy hạt khô, lượng hạt giống dùng 18-20 kg/ha; mật độ 57.000-62.000 cây/ha; khoảng cách gieo: 70cm x 23-25cm x 1cây.

Đối với trồng ngô sinh khối, lượng hạt giống dùng 21-22 kg/ha; mật độ 65.000-71.000 cây/ha; khoảng cách gieo: 70cm x 20-22cm x 1cây.

- Lượng phân bón và cách bón:

+ Đối với ngô lấy hạt (1 ha): 10 tấn phân chuồng hoai hoặc 2 tấn phân hữu cơ vi sinh + 326-350 kg Urê + 500-550 kg lân sulphe Lâm Thao + 160-170 kg Kaliclorua.

Đối với ngô sinh khối (1 ha): 10-15 tấn phân chuồng hoai hoặc 2,5-3 tấn phân hữu cơ vi sinh + 370-400 kg Urê + 550-600 kg lân sulphe Lâm Thao + 170-180 kg Kaliclorua.

+ Cách bón:

. Bón lót: Toàn bộ (phân chuồng hoặc phân hữu cơ vi sinh + phân lân).

. Bón thúc đợt 1 (ngô 4,5-5 lá): 1/2 lượng đạm + 1/2 lượng Kaliclorua.

. Bón thúc đợt 2 (9-11 lá - ngô xoắn ngon): 1/2 lượng đạm + 1/2 lượng ka ly.

- Phòng trừ sâu bệnh:

Phòng bệnh là chính, chú ý một số đối tượng sâu bệnh chính như sau:

Sâu xám, sâu keo hại cây ngô giai đoạn mọc mầm và cây con, trừ bằng thuốc Tasieu 1.9 EC, Reas gant 3.6 EC.

Sâu đục thân ngô, sử dụng thuốc Visumit 50EC, Viu – super 56R, Forsan 60EC.

Bệnh khô vằn ngô, dùng thuốc Validan 3SL, Tilt super 300 EC.

Bệnh thối thân ngô, dùng thuốc Amtech 100 EW, Tigon Diamond 800 WP, Bonny 4SL.

- Tưới nước cho ngô:

Đất để gieo ngô phải đủ độ ẩm để hạt mọc mầm, nếu đất khô, trước khi gieo hạt cần phải tưới nước vào rãnh gieo trước khi gieo ngô 1/2 ngày đến 1 ngày.

Cây ngô cần đủ ẩm nhưng rất sợ úng. Các thời kỳ cây ngô cần ẩm đất, nên cần tưới nước khi cây ngô 6-7 lá (sau bón thúc đợt 1), trước trổ cờ 5-7 ngày (sau bón thúc đợt 2), sau khi ngô đã thâm râu, chín sữa, chín sấp.

- Thu hoạch ngô:

Đối với ngô lấy hạt khô, khi bắp đã chín hoàn toàn (90 % lá bị đã khô vỡ bao), chọn ngày nắng ráo tiến hành thu hoạch, phơi bắp, lấy hạt và phơi hạt khô ở độ ẩm 14% đóng bao chống ẩm bảo quản trong kho để dùng.

Đối với ngô sinh khối thu hoạch sau khi ngô đã bắt đầu chín sấp (sau gieo 85-90 ngày). Sử dụng cây ngô tươi cắt ngắn cho gia súc ăn trực tiếp hoặc ủ chua để gia súc ăn dần./.

Công nhận giống và bảo hộ bản quyền tác giả giống QT55

Giống ngô lai đơn QT55 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận lưu hành tại Quyết định số 44/QĐ-TT-CLT ngày 28/02/2022 của Cục trưởng Cục Trồng trọt cho các vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. QT55 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ bản quyền tác giả tại Quyết định số 108/QĐ-TT-VPBH ngày 18/5/2022. Chủ sở hữu giống QT55 là Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa và TS. Lê Quý Tường.



Vườn Quốc gia Tam Đảo

Tam Đảo là tên gọi của 3 đỉnh núi Thiên Thị, Thạch Bàn và Phù Nghĩa nổi lên trên biển mây trắng trong dãy núi Tam Đảo rộng từ 10 - 15 km, chạy dài trên 80 km theo hướng Tây Bắc - Đông Nam trên địa giới hành chính của 3 tỉnh: Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Ngày 15/5/1996 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ra Quyết định số: 601 NN-TCCB/QĐ về việc thành lập VQG Tam Đảo trực thuộc Bộ. Vườn quốc gia Tam Đảo do Cục Kiểm lâm trực tiếp quản lý,

II. TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TAM ĐẢO

VQG Tam Đảo có thảm thực vật phong phú, đa dạng:

Tam Đảo nằm trong vùng Đông Bắc Việt Nam, là nơi có sự đa dạng sinh học rất cao. Đến nay kết quả điều tra đã xác định được 1.247 loài thuộc 645 chi, 169 họ thực vật bậc cao có mạch. Trong đó có 83 loài thực vật nguy cấp, có những loài chỉ còn số lượng ít như Kim Tuyến, Vù hương, Kim giao, Dẻ tùng sọc trắng (Sam bông), Trầm hương....

Trà hoa vàng và đỗ quyên là 2 loài rất nổi tiếng ở Tam Đảo, được nhiều người biết đến.

VQG Tam Đảo có hệ động vật phong phú, quý hiếm:

Hiện đã xác định được 1.299 loài, trong đó Lớp thú: 93; Chim: 332; Bò sát: 136 loài; Ếch nhái: 62 loài; Côn trùng: 651 loài; cá 25 loài. Trong đó có 63 loài động vật nguy cấp.



Vườn quốc gia Tam Đảo là một trong 15 điểm xem chim trên khắp cả nước với 239 loài đã được phát hiện, trong đó có nhiều loài đặc hữu.

Đặc biệt, du khách có thể tham quan tuyến Trung tâm Cứu hộ gấu Việt Nam trong Vườn quốc gia Tam Đảo. Hiện nay, Trung tâm đang nuôi dưỡng, chăm sóc khoảng 200 cá thể gấu với mục tiêu nâng cao ý thức cộng đồng về bảo tồn động vật hoang dã, đặc biệt là bảo tồn loài gấu ở Việt Nam.

Tam Đảo có các điểm du lịch nổi tiếng:

Khu du lịch Tam Đảo nằm ở độ cao hơn 900m so với mặt nước biển. Khí hậu ở Khu du lịch Tam Đảo rất độc đáo, bốn mùa trong một ngày (Buổi sáng khí hậu mùa xuân, buổi trưa nóng ẩm mùa hạ, buổi chiều nhiệt độ chuyển sang mùa thu và buổi tối có khí hậu lạnh của mùa đông).

- Khu du lịch và sân gôn Tam Đảo: Nằm trong vùng du lịch núi Tam Đảo, cách VQG Tam Đảo khoảng 2 km. Sân gôn Tam Đảo là sân gôn 18 lỗ được thiết kế đảm bảo đầy đủ các điều kiện chơi gôn tương đương các sân gôn trên thế giới.

- Thiên viện Trúc Lâm Tây Thiên

- Ngoài ra, VQG Tam Đảo được biết đến với các địa danh Thác Bạc, Đền mẫu Bà chúa Thượng Ngàn, cầu Đái Tuyết, Am Gió Thang Mây, cột phát sóng truyền hình có độ cao 1.200m, chinh phục đỉnh Rừng Rinh với rừng nguyên sinh đại ngàn trùng điệp.

Tam Đảo giàu tài nguyên nhân văn:

Vùng đệm VQG Tam Đảo nằm trên địa phận 23 xã thị trấn, thuộc 4 huyện của 3 tỉnh (Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang) có trên 200.000 người.

Tam Đảo còn có nhiều nét văn hóa đặc sắc của



các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện như: văn hóa của đồng bào dân tộc Sán Dìu với hát giao duyên, hát Soọng cô, văn hóa ẩm thực đặc trưng của người dân địa phương, các làng nghề thủ công truyền thống đã và đang tạo ra những sản phẩm hàng hóa vật chất và tinh thần phong phú phục vụ



cho phát triển du lịch.

Đặc biệt, hàng năm Tam Đảo có Lễ hội Tây Thiên được tổ chức từ ngày 15-2 đến 17-2 âm lịch gắn với truyền thuyết về người nữ tướng anh hùng Nàng Thị Tiều được vua Hùng phong làm Quốc Mẫu.

Những tài nguyên nhân văn đó là những lợi thế và tiềm năng, cơ sở vững chắc để Tam Đảo phát triển kinh tế du lịch bền vững.

Tam Đảo có vị trí địa lý thuận lợi:

- Tam Đảo có vị trí nằm kề thủ đô Hà Nội
- Cách sân bay quốc tế Nội Bài 45 km.



- Tam Đảo nằm gần tuyến quốc lộ 2 và đường sắt Hà Nội – Lào Cai – Vân Nam. Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai cũng chạy qua địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Địa hình Tam Đảo phong phú, có cả núi, đồi và thung lũng. Vì vậy cảnh quan của Tam Đảo cũng đa dạng hấp dẫn, có giá trị cao để phục vụ khai thác du lịch.

Với những tài nguyên du lịch phong phú, Tam Đảo hứa hẹn sẽ trở thành điểm đến hàng đầu trên bản đồ du lịch Việt Nam

Tam Đảo hiện có 191 cơ sở lưu trú, trong đó, có 73 khách sạn, 79 nhà nghỉ, 39 cơ sở Homestay và Villa với tổng số hơn 3.500 phòng. Hệ thống giao thông kết nối các khu du lịch trọng điểm trên địa bàn cơ bản được hoàn thiện, các tuyến đường thường xuyên được bảo trì, nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng các tour, tuyến du lịch và hạn chế tình trạng tắc nghẽn giao thông vào mùa lễ hội, du lịch.





Hiện nay, Tam Đảo chú trọng xây dựng hình ảnh khu, điểm du lịch văn minh phục vụ du khách; xây dựng con người Tam Đảo văn minh, thân thiện. Hằng năm, tổ chức khai mạc du lịch hè Tam Đảo; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ vào các buổi tối thứ 7, chủ nhật phục vụ khách du lịch; tham gia chương trình kích cầu du lịch; vận động các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực, đảm bảo điều kiện nâng cao chất lượng dịch vụ.

Bên cạnh đó, những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong phát triển du lịch có bước đổi mới với nhiều đề tài, dự án được triển khai. Trong đó, chú trọng xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm từ cây dược liệu; xây dựng và triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động dịch vụ.

Đến nay, Tam Đảo đã có 21 sản phẩm (trong đó có 17 sản phẩm đạt 3 sao, 4 sản phẩm đạt 4 sao), trở thành thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp, gồm: Trà hoa vàng, nấm sò Tam Đảo, nấm Đông trùng hạ thảo, trà đinh lăng đang được đánh giá cao, góp phần phát triển du lịch trên cơ sở xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng, hình thành các sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ du lịch.

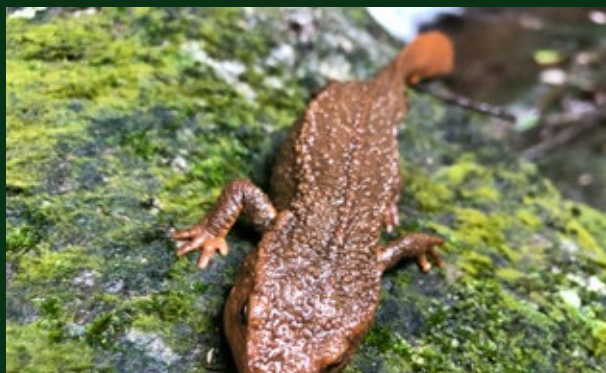
Đặc biệt, từ đầu năm 2023 đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức nhiều chương trình, sự kiện văn hóa, du lịch để kích cầu, thu hút du khách như hoạt động du lịch Xuân 2023, chương trình nghệ thuật với chủ đề “Vĩnh Phúc bốn mùa tình yêu” tại thị trấn Tam Đảo; vận hành Cổng Thông tin điện tử du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh; đưa vào hoạt động các liveshow âm nhạc cuối tuần ở nhiều sân khấu tại các Khu du lịch Tam Đảo và Đại Lải... Đồng thời tham gia các chương trình xúc tiến du lịch, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm du lịch làng nghề, sản phẩm đặc trưng tiêu biểu của tỉnh tại 2 địa phương Tuyên Quang và Khánh Hòa...; ký kết hợp tác giữa



các doanh nghiệp du lịch, lữ hành của tỉnh với nhiều địa phương trong cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Quốc (Kiên Giang)...

Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch Tam Đảo trên các phương tiện thông tin đại chúng đến với thị trường du lịch trong nước và quốc tế được tăng cường đã và đang nhận được sự quan tâm của du khách trong nước và quốc tế, lượng du khách đến với Tam Đảo năm sau cao hơn năm trước, năm 2023 đạt gần 1,4 triệu lượt du khách, tăng 39% so với năm 2022.

Tháng 01/2022, Khu du lịch Quốc gia Tam Đảo được công nhận là Khu du lịch cấp Quốc gia và tháng 11/2022 , tại lễ trao Giải thưởng Du lịch thế giới (World Travel Awards) lần thứ 29, thị trấn Tam Đảo được vinh danh là “Thị trấn du lịch hàng đầu thế giới”. Qua đó khẳng định vị thế, sự yêu thích của du khách và tầm nhìn du lịch quốc tế trong tương lai của Tam Đảo.



**Kỷ niệm 70 năm
Chiến thắng Điện Biên Phủ
7/5/1954 – 7/5/2024**

Bản hùng ca bất diệt

Của thời đại Hồ Chí Minh

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành tiếng sấm rền vang làm rung chuyển thế giới, xé toạc mây đen của chủ nghĩa thực dân - đế quốc, mang đến nguồn cổ vũ to lớn cho các dân tộc bị áp bức đứng lên giành độc lập. Ba tiếng “Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ” vang lên khắp mọi nơi, trở thành niềm tự hào và khát vọng tự do của loài người tiến bộ, là biểu tượng của lòng quả cảm vô song và là ngôi sao sáng của phong trào giải phóng dân tộc. Chiến thắng Điện Biên Phủ là bản hùng ca bất diệt của thời đại Hồ Chí Minh.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Cách đây 70 năm, đúng 17 giờ ngày 13/3/1954, quân ta nổ phát súng đầu tiên tấn công cứ điểm Him Lam, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Ta lần lượt tiêu diệt gọn cứ điểm này và cứ điểm Độc Lập,

bức hàng cứ điểm Bản Kéo, phá vỡ cửa ngõ phía Bắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; diệt và bắt sống hơn 2.000 tên địch, phá hủy 25 máy bay, xóa sổ một trung đoàn, uy hiếp sân bay Mường Thanh.

Trong tháng 4/1954, quân ta đã đồng loạt tiến công các cứ điểm, thắt chặt vòng vây, chia cắt, kiểm soát sân bay Mường Thanh, quân địch rơi vào tình trạng bị động, mất tinh thần cao độ. Từ ngày 1/5



đến ngày 7/5/1954, quân ta đánh chiếm các cứ điểm phía Đông và mở đợt tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 7/5/1954, lá cờ quyết chiến quyết thắng của quân đội ta đã tung bay trên nóc hầm sớ chỉ huy của địch. Đến 24 giờ cùng ngày, toàn bộ quân địch đã bị bắt làm tù binh. Toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ “bất khả chiến bại” đã bị quân và dân ta xóa sổ hoàn toàn.



Chỉ tính riêng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đưa ra tiền tuyến 9.000 tấn gạo; Nhân dân tỉnh Lai Châu đóng góp cho Điện Biên Phủ 2.666 tấn gạo, 226 tấn thịt; 210 tấn rau xanh, huy động 16.972 dân công, tham gia 517,210 ngày công; 348 ngựa thồ, 58 thuyền mảng, đóng góp 25.070 cây gỗ để làm đường.

Nhân dân Liên khu V trong 4 năm (từ 1951 - 1954)

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, cùng với Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, dân tộc Việt Nam có thêm một cột mốc lịch sử mới: Điện Biên Phủ - Cây cột mốc bằng vàng. Để làm nên chiến thắng này, Bộ chỉ huy chiến dịch, Đảng uỷ Mặt trận, đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, khi thực hiện sự chỉ đạo chiến lược và phương châm đánh địch đúng đắn của Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Quân uỷ, đã sáng suốt quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ “Đánh nhanh, giải quyết nhanh” chuyển sang “Đánh chắc, tiến chắc” vào ngay trước giờ chiến dịch mở màn, thể hiện tài thao lược, tinh thần trách nhiệm cao và lòng quả cảm, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của toàn dân, toàn quân.

Trên hết cả, chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” cho thấy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong chiến dịch lịch sử này, Trung ương Đảng, Chính phủ, Tổng Quân uỷ, Bộ Tổng tư lệnh đã tổ chức, động viên một lực lượng to lớn sức người, sức của của Nhân dân Việt Bắc, Tây Bắc, đồng bằng và Trung du Bắc Bộ,... đóng góp cho mặt trận.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, hàng vạn dân công đã tham gia tải thương, gửi lương thực, thực phẩm, vũ khí, trang bị vào phục vụ chiến trường; xẻ núi, bạt đèo cho bộ đội ta kéo pháo vào trận địa.

đã đóng góp 1.322.600 tấn thóc và số tiền tương đương 1.500.000 tấn. Nhân dân cả nước đóng góp 25.056 tấn gạo, góp 26 vạn người đi dân công hỏa tuyến, riêng tuyến hậu cần Chiến dịch đã sử dụng lực lượng khoảng 33.500 người phục vụ với hơn 30.000 ngày công...

Với sức mạnh đó, trải qua 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, dũng cảm, sáng tạo, quân và dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Thắng lợi này đã trực tiếp đưa đến việc ký Hiệp định Genève về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; tạo cơ sở và điều kiện để Nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước hơn hai mươi năm sau đó.





Mãi mãi lưu giữ trong sử xanh

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ của quân và dân ta đã khiến cả thế giới bất ngờ. Trong tài liệu “Việt Nam trong lịch sử thế giới - Khoa Lịch sử Trường Đại học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), PGS - TS Ngô Đăng Trí đã viết: “Chính người Pháp cũng đã phải thừa nhận sự bất ngờ của họ về sức mạnh của hậu phương Việt Nam và khả năng tổ chức chi viện tiền tuyến sáng tạo, hiệu quả của Việt Nam”.

70 năm qua, đã có biết bao công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, đã có hàng vạn bài báo, cuốn sách viết về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nhưng dường như vẫn chưa đủ. Nhiều nhà nghiên cứu, học giả nước ngoài đã viết những cuốn sách công phu, nghiêm túc, đánh giá rất cao chiến thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng trước những đội quân xâm lược hùng mạnh hơn mình nhiều lần. Nhưng họ vẫn chưa

hiều vì sao Nhân dân Việt Nam đã đánh thắng được những kẻ thù hùng mạnh ấy?

Quá khứ hào hùng là sức mạnh tinh thần to lớn để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Điện Biên xây dựng , phát triển tỉnh nhà. Trên chặng đường 70 năm kể từ chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên đã luôn đoàn kết, thủy chung vượt gian khó để xây dựng quê hương giàu đẹp. Những cánh rừng cháy trụi, xám xịt bởi đạn bom giờ đã được phủ kín bằng màu xanh ngút ngàn của cây cối. Sân bay Mường Thanh hiện đại mới được khánh thành và đưa vào khai thác. Vết thương hằn trong chiến tranh giờ đã được xóa đi bằng diện mạo mới của bản làng và cánh đồng Mường Thanh trù phú.

Hôm nay, trên nền chiến trường xưa, Điện Biên của ngày mới vẫn “ôm trọn” truyền thống và kỷ ức anh hùng. Chiến trường Điện Biên Phủ đã trở thành Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, với 45 điểm di tích thành phần. Đây là quần thể di tích có giá trị, vai trò đặc biệt quan trọng, trở thành biểu tượng của sự kế thừa, phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang, hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; có giá trị, ý nghĩa lịch sử lớn lao đối với Nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Với ý nghĩa đó, Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ luôn được Đảng, Quốc



hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân, Nhân dân cả nước; cấp ủy, chính quyền và Nhân dân tỉnh Điện Biên quan tâm bảo tồn, tôn tạo. Đồng thời, xác định đây là một trong những tài nguyên đặc sắc, quý giá không chỉ của tỉnh mà còn của cả nước, tỉnh Điện Biên luôn quan tâm, giữ gìn, bảo vệ, phát huy giá trị để phát triển du lịch, trở thành điểm nhấn quan trọng trong hành trình tham quan của du khách trên mảnh đất Điện Biên anh hùng.

Theo ông Trần Quốc Cường, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên, xác định du lịch lịch sử là khởi điểm và cũng là cầu nối để Điện Biên phát triển các loại hình du lịch khác, giai đoạn 2021 - 2023, tỉnh đã đầu tư trên 5.000 tỷ đồng để phát triển kết cấu hạ tầng, thương mại, du lịch, dịch vụ, khách sạn, vui chơi giải trí. Đặc biệt, cuối năm 2023, dự án đầu tư xây dựng mở rộng cảng hàng không Điện Biên hoàn thành và đón các chuyến bay bằng máy bay hiện đại, cỡ lớn từ Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh đến đã tạo đà đưa du lịch Điện Biên cất cánh.

Với sự đầu tư đó, năm 2023 là năm đầu tiên tỉnh Điện Biên cán mốc đón 1 triệu lượt khách, tăng gần

25% so với năm 2022. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt trên 1.750 tỷ đồng. Đây là tín hiệu đáng mừng, là tiền đề để tỉnh tạo đột phá trong năm 2024 - năm kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và đăng cai Năm Du lịch quốc gia nhằm phấn đấu xây dựng tỉnh Điện Biên thành một trong những trung tâm du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Hướng tới Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên, nhiều hoạt động ý nghĩa, đặc sắc đã, đang và sẽ diễn ra tại khắp các tỉnh, thành trên cả nước. Trong đó, nổi bật là Lễ diễu binh, diễu hành tại sân vận động tỉnh Điện Biên vào sáng 7/5/2024. Đây được coi là nội dung cốt lõi, nhằm biểu dương lực lượng, khẳng định ý nghĩa, tầm vóc lịch sử vĩ đại của Chiến thắng Điện Biên Phủ. Buổi lễ diễu binh, diễu hành sẽ có sự tham gia của lực lượng pháo lễ, lực lượng không quân bay chào mừng, lực lượng diễu binh, diễu hành, lực lượng đứng trên sân, tới tổng cộng hơn 12.000 người.

Thi Thi





Tình hình Kinh tế

QUÝ I NĂM 2024

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Kinh tế thế giới 3 tháng đầu năm 2024 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột quân sự giữa Nga – U-crai-na diễn biến phức tạp và kéo dài, xung đột tại dải Gaza leo thang, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, lương thực toàn cầu, gia tăng rủi ro đối với an toàn hàng hải, ảnh hưởng tới triển vọng tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Lạm phát mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu; nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt, duy trì mức lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu phục hồi chậm. Các tổ chức quốc tế đưa ra nhận định ở các mức khác nhau về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 nhưng đều thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2023 từ 0,2 đến 0,3 điểm phần trăm^[1].

Liên hợp quốc (UN)^[2] và Ngân hàng Thế giới (WB)^[3] dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 cùng đạt mức 2,4%, thấp hơn lần lượt 0,3 và 0,2 điểm phần trăm so với năm 2023; Tổ chức Hợp

tác và Phát triển kinh tế (OECD)^[4] nhận định kinh tế thế giới đạt 2,9%, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm; Liên minh châu Âu (EU)^[5] dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu (không bao gồm EU) đạt 3,3%, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm.

Trong khu vực, WB dự báo tăng trưởng kinh tế của Thái Lan và Ma-lai-xi-a lần lượt đạt 3,2% và 4,3%, tăng 0,7 và 0,4 điểm phần trăm so với năm 2023; Phi-li-pin và Việt Nam lần lượt đạt 5,8% và 5,5%, tăng 0,2 và 0,8 điểm phần trăm; riêng tăng trưởng của In-đô-nê-xi-a đạt 4,9%, giảm 0,1 điểm phần trăm.

Trong nước, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế – xã hội theo mục tiêu đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 15/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau Tết Nguyên đán. Các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng. Kinh tế – xã hội quý I/2024 của nước ta đạt được kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khẳng định chính

sách quản lý và điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương từng bước phát huy hiệu quả. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý I/2024 như sau:

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023[6]. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,28%, đóng góp 41,68%; khu vực dịch vụ tăng 6,12%[7], đóng góp 52,23%.

Trong mức tăng chung của nền kinh tế, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp quý I/2024 tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 4,08% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,46%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm. Sản xuất công nghiệp khởi sắc và tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2023. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2024 tăng 6,18% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 2,02 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,98%[8], đóng góp 1,73 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,97%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,99%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 6,83%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng 1,87% của quý I/2023, đóng góp 0,4 điểm phần trăm. Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động thương mại diễn ra sôi động, du lịch phục hồi mạnh mẽ nhờ hiệu quả của chính sách thị thực thuận lợi và chương trình kích cầu du lịch, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tăng cao. Đóng góp của một số ngành dịch vụ vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế quý I năm nay như sau: Ngành vận tải kho bãi tăng 10,58% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,68 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,34%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm; ngành bán buôn và bán lẻ tăng 6,94%, đóng góp 0,76 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,2%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 4,14%, đóng góp 0,28 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2024, khu vực nông,

lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,73%; khu vực dịch vụ chiếm 43,48%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,02%[9].

Về sử dụng GDP quý I/2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,93% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 56,77% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 4,69%, đóng góp 24,07%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,08%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 19,16%.

2. Sản xuất nông nghiệp quý I/2024 tiếp tục tăng trưởng ổn định. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát. Sản xuất lâm nghiệp đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, thu hoạch gỗ đến kỳ khai thác. Hoạt động nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan do áp dụng mô hình nuôi tôm chất lượng cao hiệu quả, khai thác thủy sản tăng so với cùng kỳ do thời tiết ngư trường thuận lợi.

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Ba, cả nước gieo cấy được 2.926,1 nghìn ha lúa đông xuân, giảm 1,3 nghìn ha so với vụ đông xuân năm 2023. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 1.032 nghìn ha, giảm 12,5 nghìn ha; các địa phương phía Nam đạt 1.894,1 nghìn ha, tăng 11,2 nghìn ha, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.478,6 nghìn ha, tăng 8,9 nghìn ha. Đến nay, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch 868,8 nghìn ha, chiếm 58,8% diện tích gieo cấy và bằng 106,1% cùng kỳ năm trước, năng suất ước đạt xấp xỉ vụ đông xuân năm trước; sản lượng ước đạt 10,7 triệu tấn, tăng 65 nghìn tấn.

Đến giữa tháng Ba, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất công tác thu hoạch lúa vụ mùa 2023-2024. Diện tích gieo trồng lúa mùa của toàn vùng đạt 183,1 nghìn ha, tăng 5,2 nghìn ha so với vụ mùa năm trước. Vụ mùa năm nay thời tiết tương đối thuận lợi, ít bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn, người dân sử dụng giống lúa phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng cùng với công tác phòng chống dịch bệnh được tăng cường nên năng suất đạt cao với 53,7 tạ/ha, tăng 2,3 tạ/ha so với vụ mùa năm trước, sản lượng đạt 974,4 nghìn tấn, tăng 60,3 nghìn tấn.

Tính đến giữa tháng Ba, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 305,5 nghìn ha ngô, bằng 101,6% cùng kỳ năm trước; 98,4 nghìn ha lạc, bằng 98,5%; 9,6 nghìn ha đậu tương, bằng 99,3%; 42,3 nghìn ha khoai lang, bằng 103,0%; 522,8 nghìn ha rau đậu, bằng 101,2%.

Trong quý I năm 2024, sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp lâu năm như sau: Cao su đạt 134,1 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; điều đạt 230 nghìn tấn, tăng 1,7%; chè búp đạt 173,3 nghìn tấn, tăng 0,5%. Đối với cây ăn quả, do thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm diện tích những cây lâu năm kém hiệu quả như dứa, thanh long sang trồng các loại cây cho hiệu quả kinh tế cao hơn. So với cùng kỳ năm trước, sản lượng của một số cây tăng khá như: Sầu riêng đạt 108,1 nghìn tấn, tăng 27,1%; cam đạt 323,3 nghìn tấn, tăng 4,1%; chuối đạt 697 nghìn tấn, tăng 3,8%; xoài đạt 191 nghìn tấn, tăng 3,6%; bưởi đạt 167,3 nghìn tấn, tăng 3,1%.

Chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao và diện tích chăn thả bị thu hẹp. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát, giá bán thịt lợn hơi tăng[10], sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao hơn khi giảm quy mô sản xuất ở những hộ nhỏ lẻ[11] và phát triển các doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn có quy trình khép kín với giá thành sản xuất thấp hơn.

b) Lâm nghiệp

Ước tính quý I/2024, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước ước đạt 37,3 nghìn ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 23,6 triệu cây, tăng 3,6%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.670,1 nghìn m³, tăng 4,6%. Diện tích rừng bị thiệt hại là 252,3 ha, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị chặt, phá là 182,2 ha, tăng 1,1%; diện tích rừng bị cháy là 70,1 ha, giảm 1,9%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 3/2024 ước đạt 725,4 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 539,7 nghìn tấn, tăng 2,2%; tôm đạt 73,6 nghìn tấn, tăng 3,7%; thủy sản khác đạt 112,1 nghìn tấn, tăng 2,8%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 400,3 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 325,1 nghìn tấn, tăng 0,7%. Tính chung quý I/2024, sản lượng thủy sản ước đạt 1.941,5 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.440,8 nghìn tấn, tăng 2%; tôm đạt 193 nghìn tấn, tăng 3,9%; thủy sản khác đạt 307,7 nghìn tấn, tăng 2%.

Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu

	Thực hiện quý I năm 2023	Ước tính quý I năm 2024	Tốc độ tăng của quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Nghìn tấn)			
Thịt lợn	1 237,5	1 293,9	4,6
Thịt gia cầm	564,6	593,5	5,1
Thịt trâu	32,8	32,9	0,4
Thịt bò	130,5	132,5	1,5
Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác			
Trứng (Triệu quả)	4.795,4	5.025,8	4,8
Sữa (Nghìn tấn)	314,9	331,3	5,2

[1] Riêng Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 đạt 3,1%, không thay đổi so với năm 2023.

[2] UN (Tháng 01/2024), “Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới 2024”, https://www.un.org/development/desa/dpad/wp-content/uploads/sites/45/WESP_2024_Web.pdf, truy cập ngày 18/3/2024.

[3] WB (Tháng 01/2024), “Triển vọng kinh tế toàn cầu”, <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>, truy cập ngày 18/3/2024.

[4] OECD (Tháng 02/2024), “Báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế OECD”, <https://www.oecd-ilibrary.org/sites/0fd73462-en/index.html?itemId=/content/publication/0fd73462-en>, truy cập ngày 18/3/2024.

[5] EU (Tháng 02/2024), “Dự báo kinh tế châu Âu mùa đông 2024: Trì hoãn phục hồi tăng trưởng trong bối cảnh nói lỏng lạm phát”, https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_24_730, truy cập ngày 18/3/2024.

[6] Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước các năm 2020-2023 lần lượt là: 3,21%; 4,85%; 5,12%; 3,41%.

[7] Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ quý I so với cùng kỳ năm trước các năm 2020-2023 lần lượt là: 3,03%; 4,51%; 4,38%; 6,86%.

[8] Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I/2023 giảm 0,45% so với cùng kỳ năm trước.

[9] Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2023 là 11,74%; 36,02%; 43,07%; 9,17%.

[10] Tính đến ngày 23/3/2024, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 59.000 – 62.000 đồng/kg tăng khoảng 10.000 – 11.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn quý I/2024 tăng 0,02% so với cùng kỳ năm trước, tháng 3/2024 tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước.

[11] Theo kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm ngày 01.01.2024, tổng số hộ chăn nuôi trên cả nước giảm 1,94% so với cùng thời điểm năm 2023.

[12] Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 24/3/2023.

[13] Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động bình quân một tháng trong quý I các năm 2019-2023 lần lượt là: 14,5 nghìn doanh nghiệp; 14,8 nghìn doanh nghiệp; 14,7 nghìn doanh nghiệp; 20,1 nghìn doanh nghiệp; 19 nghìn doanh nghiệp.

[14] Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường bình quân một tháng trong quý I các năm 2019-2023 lần lượt là: 11,4 nghìn doanh nghiệp; 11,6 nghìn doanh nghiệp; 13,4 nghìn doanh nghiệp; 17,1 nghìn doanh nghiệp; 20,1 nghìn doanh nghiệp.

[15] Chỉ số tương ứng của quý IV/2023: Có 31,7% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý III/2023; 37,9% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 30,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

[16] Là công dân Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam bằng đường hàng không.

[17] Quý I/2023 tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

[18] Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhận ngày 22/3/2024.

[19] Kim ngạch xuất khẩu tính theo giá F.O.B và kim ngạch nhập khẩu tính theo giá C.I.F (bao gồm chi phí vận tải, bảo hiểm của hàng nhập khẩu). Khi tính cán cân thương mại của nền kinh tế thì kim ngạch xuất, nhập khẩu được tính theo giá F.O.B.

[20] Ước tính tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tháng 3/2024 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 27/3/2024. Tổng cục Thống kê ước tính trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 3/2024 dựa trên số liệu sơ bộ về trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu đến hết ngày 24/3/2024 do Tổng cục Hải quan cung cấp.

[21] Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa quý I/2023 đạt 154,2 tỷ USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 79,6 tỷ USD, giảm 11,6%; nhập khẩu đạt 74,6 tỷ USD, giảm 15,4%.

[22] Ước tính tháng Hai xuất siêu 1,1 tỷ USD.

[23] Lũy kế đến tháng 02/2024 có 282 đơn vị đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên có 02 đơn vị (TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) không còn xã, do vậy 2 đơn vị này không thuộc đối tượng thực hiện Chương trình nông thôn mới.

[24] Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh, Hà Tĩnh, Tiền Giang, Đồng Tháp.

KINH TẾ

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG



THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP 2025-2030



KHÁI QUÁT CHUNG

Bắc Giang là tỉnh miền núi, nằm trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Vùng Thủ đô Hà Nội, có diện tích tự nhiên 3.895 km² (đứng thứ 36 cả nước). Bắc Giang có vị trí khá thuận lợi, nằm trên hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gần các trung tâm kinh tế lớn. Hạ tầng giao thông phát triển khá toàn diện, đường bộ có cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, 4 quốc lộ chạy qua, cách sân bay Nội Bài trên 50km, cửa khẩu quốc tế trên biên giới Lạng Sơn 100km, nước sâu Cái Lân, cảng Hải Phòng gần 150km.

I. THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG

1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Năm 2023 tăng trưởng của tỉnh đạt 13,45% (gấp gần 2,5 lần bình quân chung cả nước) đứng đầu cả nước; bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 14%/năm; cả 3 khu vực kinh tế đều có tăng trưởng. Quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 181,9 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 7,6 tỷ USD) đứng thứ 12 cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 3.950 USD, đứng thứ 23 cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, công nghiệp-xây dựng chiếm 65,7% (trong đó công nghiệp chiếm 58,8%), dịch vụ chiếm 21,3%, nông lâm, nghiệp và thủy sản chiếm 13%. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2022 đứng thứ 2/63 tỉnh, TP; Chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2023 xếp thứ 11/63 tỉnh, TP. Thu hút đầu tư FDI liên tục duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Bắc Giang có nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng các cây trồng, vật nuôi, nhất là phát triển cây ăn quả, gia súc, gia cầm, thủy sản và trồng rừng kinh tế. Những năm gần đây, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đạt được nhiều kết quả, toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 đạt 2,63% (năm thứ tư liên tiếp ngành nông nghiệp giữ đà tăng trưởng). Hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng/năm. Quy mô sản xuất (giá hiện hành) đạt 40.516 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 52 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,63%.

2. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại

Tỉnh Bắc Giang xác định phát triển nông nghiệp làm nền tảng bảo đảm, trụ đỡ cho nền kinh tế. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung đề ra các chủ trương, cơ chế chính sách để phát triển nông nghiệp đa dạng cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Minh Hoan, Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Dương cùng Đoàn công tác thăm vườn vải thiều tại huyện Lục Ngạn.

mới. Ban thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 05/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. HĐND tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển nông nghiệp hàng hóa và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới⁽¹⁾.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản đạt nhiều kết quả. Nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao, phát triển theo lợi thế từng địa phương⁽²⁾. Tỉnh đã hình thành 02 trục sản phẩm: Với 56 nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hàng hóa gắn với mã vùng trồng và số hóa vùng sản xuất⁽³⁾ và 290 sản

1. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ SPNN; chính sách hỗ trợ PT nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2023-2030; chính sách hỗ trợ SX giống; chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2024-2025; Đề án «hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả bền vững giai đoạn 2021-2025»...

2. Tỉnh Bắc Giang đã lập bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

3. Hiện có 285 mã số vùng trồng cho vải, nhãn, bưởi, vú sữa, dưa hấu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Thái Lan, Mỹ, Nga, Úc, EU, Hàn Quốc...; số hóa 209 vùng trồng vải, nhãn, vú sữa, bưởi quy mô từ 10 ha trở lên.

phẩm OCOP mang đặc trưng của mỗi địa phương (trong đó có 01 sản phẩm vải thiều Hồng Xuân Lục Ngạn đủ điều kiện công nhận sản phẩm 5 sao cấp quốc gia, 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 25 sản phẩm 4 sao và 262 sản phẩm 3 sao).

Trong nội ngành nông nghiệp, cơ cấu chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường tiêu thụ. Nhiều nông sản của tỉnh có thương hiệu⁽⁴⁾ đã tạo được niềm tin cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu như: Gà đồi Yên Thế, vải thiều Lục Ngạn, na dai Lục Nam, nhãn Lục Sơn, chè Bản Ven Yên Thế, mỳ chủ Lục Ngạn, gạo thơm Yên Dũng, rau cần Hoàng Lương, Sâm nam Núi Dành, rượu Làng Vân, bánh đa Ké, ba kích Sơn động. Cơ cấu sản xuất có sự chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, giảm tỷ trọng trồng trọt, cụ thể theo từng lĩnh vực:

+ Trồng trọt chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; cơ cấu các loại cây trồng được điều chỉnh phù hợp, hiệu quả hơn gắn với thị trường; tăng diện tích cây ăn quả và các loại rau, giảm diện tích cây lương thực (chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn). Các loại cây trồng có lợi thế, thị trường tiêu thụ tăng nhanh, tình hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn như: Vùng cây ăn quả gần 52 nghìn ha, trong đó vùng vải thiều quy mô gần 30 nghìn ha, doanh thu hàng năm gần 7.000 tỷ đồng; vùng cây ăn quả có múi (cam, bưởi) quy mô 8.900 ha; vùng Na dai với quy mô 2.132 ha; vùng sản xuất lúa chất lượng với quy mô 45.500 ha; vùng sản xuất rau an toàn, rau chế biến quy mô 12.800 ha; xây dựng trên 900 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có hợp đồng liên kết chuỗi giá trị.

+ Lĩnh vực chăn nuôi của tỉnh luôn nằm trong top 10 tỉnh, thành phố có tổng đàn vật nuôi lớn cả nước (đàn lợn gần 1,0 triệu con, gia cầm trên 20 triệu con đứng thứ 5 cả nước), sản phẩm chăn nuôi không chỉ phục vụ cho tiêu thụ nội tỉnh mà còn xuất bán 60% ra các tỉnh lân cận. Chăn nuôi đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ cao vào sản xuất. Tỉnh xây dựng thành công vùng ATDB Cúm gia cầm, Niu-cát-xon trên gà tại huyện Yên Thế tạo tiền đề cho xuất khẩu.

+ Thủy sản phát triển theo hướng thâm canh, thâm canh cao, theo tiêu chuẩn VietGap và tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi. Diện tích nuôi thủy sản trên 12.000 ha, trong đó diện tích nuôi chuyên canh đạt 6.060 ha, diện tích nuôi thủy sản thâm canh theo tiêu chuẩn VietGap đạt 878 ha (đã chứng nhận được 311 ha); hình thành được 27 vùng nuôi thủy sản tập trung năng suất cao đạt trên 10 tấn/ha, diện tích thủy sản áp dụng công nghệ tự động hoá trên 100ha.

+ Lâm nghiệp phát triển ổn định, bền vững, gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái. Tỉnh đã hình thành vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung khoảng 80 nghìn ha phục vụ cho công nghiệp chế biến, sản lượng gỗ khai thác rừng trồng bình quân hàng năm đạt 1,0 triệu m³ gỗ/năm; bình quân mỗi năm trồng khoảng 9 nghìn ha rừng tập trung và 6,1 triệu cây phân tán, diện tích trồng rừng gỗ lớn đạt 12.662,4 ha; gần 17 nghìn ha rừng được cấp chứng chỉ FSC; kinh tế rừng ngày càng được khẳng định, góp phần tạo sinh kế bền vững, xây dựng nông thôn mới ở miền núi. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,8%.

3. Phát triển nông thôn Bắc Giang



Nông thôn đổi mới, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, điều kiện sinh sống của người dân nông thôn được cải thiện, xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào thi đua giữa thôn với thôn, xã với xã; xây dựng nông thôn mới không chỉ triển khai ở các xã có điều kiện mà đã lan tỏa đến cả các xã đặc biệt khó khăn. Hết năm 2023, tỉnh Bắc Giang có 154/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 84,6%, 59 xã nông thôn mới nâng cao, 12 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 7/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới, 359 thôn nông thôn mới kiểu mẫu, bình quân tiêu chí đạt 17,8 tiêu chí/xã và không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí. Bắc Giang vươn lên trở thành tỉnh dẫn đầu khu vực Trung du và miền núi phía Bắc về xây dựng nông thôn mới.

4. Toàn tỉnh hiện có 03 chỉ dẫn địa lý, 06 nhãn hiệu chứng nhận, 74 nhãn hiệu tập thể



4. Những vấn đề đặt ra

- Năng suất nhiều loại cây trồng đã đạt trần, lực lượng lao động trẻ làm trong lĩnh vực nông nghiệp giảm, diện tích đất nông nghiệp dần thu hẹp, ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của ngành thời gian tới.

- Chi phí đầu vào sản xuất cao, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; chưa có nhiều sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu. Bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế thô nên giá trị gia tăng thấp.

- Chuyển đổi số trong nông nghiệp chưa đồng bộ; mô hình kinh tế tuần hoàn, hữu cơ chưa trở thành phổ biến.

- Tích tụ ruộng đất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn khó khăn; số hợp tác xã nông nghiệp nhiều nhưng chưa mạnh, quy mô nhỏ, trình độ quản trị còn hạn chế.

- Bắc Giang có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn (khoảng trên 160 nghìn ha), chiếm khoảng 41,2% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, tuy nhiên đóng góp của lĩnh vực lâm nghiệp cho phát triển kinh tế của tỉnh còn khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 5,4% cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, chưa tương xứng với tiềm năng.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch (du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm...),

phát triển sản phẩm OCOP điểm du lịch chưa nhiều; sản phẩm OCOP chưa đa dạng. Việc triển khai các mô hình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (xã thương mại điện tử, mô hình phát triển sản phẩm OCOP gắn với dịch vụ du lịch; mô hình ứng dụng kỹ thuật, công nghệ sinh học trong thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn) còn gặp khó khăn.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG THỜI GIAN TỚI

Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 và Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 05/10/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang định hướng đến năm 2030: Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) ngành nông lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt từ 2-3%/năm. Nông thôn phát triển toàn diện, có trên 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Để thực hiện định hướng trên, thời gian tới Sở Nông nghiệp và PTNT tập trung tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các nội dung trọng tâm sau:

1. Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 05/10/2022 của BTV Tỉnh ủy về

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, cơ chế chính sách phát triển ngành.

2. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, tạo giá trị gia tăng, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp. Duy trì ổn định lĩnh vực trồng trọt, tập trung đẩy mạnh dự địa phát triển lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp đảm bảo cho tăng trưởng, trong đó:

Lĩnh vực trồng trọt tập trung phát triển vùng cây ăn theo hướng bền vững, hữu cơ, giảm sử dụng phân bón, thuốc BVTV đảm bảo sức khỏe cây trồng, người dân; phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn chất lượng phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu. Lĩnh vực chăn nuôi tập trung xây dựng vùng ATDB liên huyện đối với gà và xây dựng vùng ATDB đối với lợn phục vụ cho xuất khẩu; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, chăn nuôi theo chuỗi khép kín, an toàn dịch bệnh. Lĩnh vực thủy sản tập trung phát triển theo hướng tự động hóa, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap. Lĩnh vực lâm nghiệp tập trung phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chế biến gỗ, thực hiện các biện pháp làm giàu rừng; phát triển kinh tế rừng, xây dựng các mô hình cây dược liệu dưới tán rừng; phát triển lâm nghiệp gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm.

3. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo hướng tăng nhanh số thôn, xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn; xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, đa dạng sản phẩm OCOP, phấn đấu có nhiều hơn sản phẩm 5 sao cấp quốc gia và sản phẩm điểm du lịch dịch vụ; thực hiện quy hoạch các vùng nguyên liệu cho phát triển sản phẩm OCOP gắn với chế biến sâu và quảng bá tiêu thụ sản phẩm.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Hỗ trợ tích tụ tập trung đất đai, đầu tư hạ tầng sản xuất khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu chế biến sâu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất nông nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ nông dân xây dựng thương hiệu nông sản, nhãn hiệu tập thể, bao bì sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh.





19/4/2024

LÃNH ĐẠO HỘI KHOA HỌC KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

LÀM VIỆC TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG

Thực hiện kế hoạch hoạt động hội năm 2024, nhằm tăng cường vai trò của Hội trong hoạt động ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói chung, góp phần cùng phát triển tại các địa phương; ngày 19/4/2024, Lãnh đạo Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã có buổi làm việc tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang.

Ts. Nguyễn Văn Thịnh – Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký cùng ThS Nguyễn Văn Tiến – Phó chủ tịch Hội chủ trì đoàn. Tham gia đoàn có: ThS Tạ Hữu Nghĩa – Chánh văn phòng, ThS Bùi Quang Chi, TS. Phạm Thị Hương Dịu.

Tiếp đoàn tại Sở có: Giám đốc Sở Nguyễn Văn Thi, Phó Giám đốc Lê Bá Thành cùng đại diện các phòng/ban chuyên môn, chỉ cục, văn phòng thuộc Sở.

Bắc Giang là tỉnh miền núi, nằm trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Vùng Thủ đô Hà Nội; là địa phương có vị trí khá thuận lợi, nằm trên hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, gần các trung tâm kinh tế lớn. Theo báo cáo của Phó giám đốc Sở Lê Bá Thành tại buổi làm việc: tỉnh Bắc Giang có nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng các cây trồng, vật nuôi, nhất là phát triển cây ăn quả, gia súc, gia cầm, thủy sản và trồng rừng kinh tế. Những năm gần đây, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đạt được nhiều kết quả, toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 đạt 2,63% (năm thứ tư liên tiếp ngành nông nghiệp giữ đà tăng trưởng). Hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, giá trị sản xuất/1ha đất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng/năm. Quy mô sản xuất (giá hiện hành) đạt 40.516 tỷ

đồng; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 52 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,63%. Tỉnh đã hình thành 02 trục sản phẩm: Với 56 nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với mã vùng trồng và số hóa vùng sản xuất () và 290 sản phẩm OCOP mang đặc trưng của mỗi địa phương (trong đó có 01 sản phẩm vải thiều Hồng Xuân Lục Ngạn đủ điều kiện công nhận sản phẩm 5 sao cấp quốc gia, 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 25 sản phẩm 4 sao và 262 sản phẩm 3 sao)...

Tại buổi làm việc, hai bên tập trung trao đổi, bàn luận và thống nhất các nội dung phối hợp trong năm 2024 và các năm tiếp theo nhằm góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung, tham gia chung trong thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Sở nói riêng.

Nguyễn Văn Thịnh – Phó chủ tịch kiêm tổng thư ký Hội thay mặt đoàn đánh giá cao những thành tựu mà ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang đã đạt được. Theo TS. Nguyễn Văn Thịnh: Hội Khoa học Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là tổ chức tập hợp các chuyên gia đầu ngành, có bề dày trong tham gia thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của ngành từ Trung Ương, địa phương. Sự tham gia của Hội trong hoạt động chung của ngành nói riêng và nông nghiệp, nông thôn tỉnh Bắc Giang nói riêng kỳ vọng sẽ đem lại hiệu quả thiết thực, mang ý nghĩa thực tế cao.

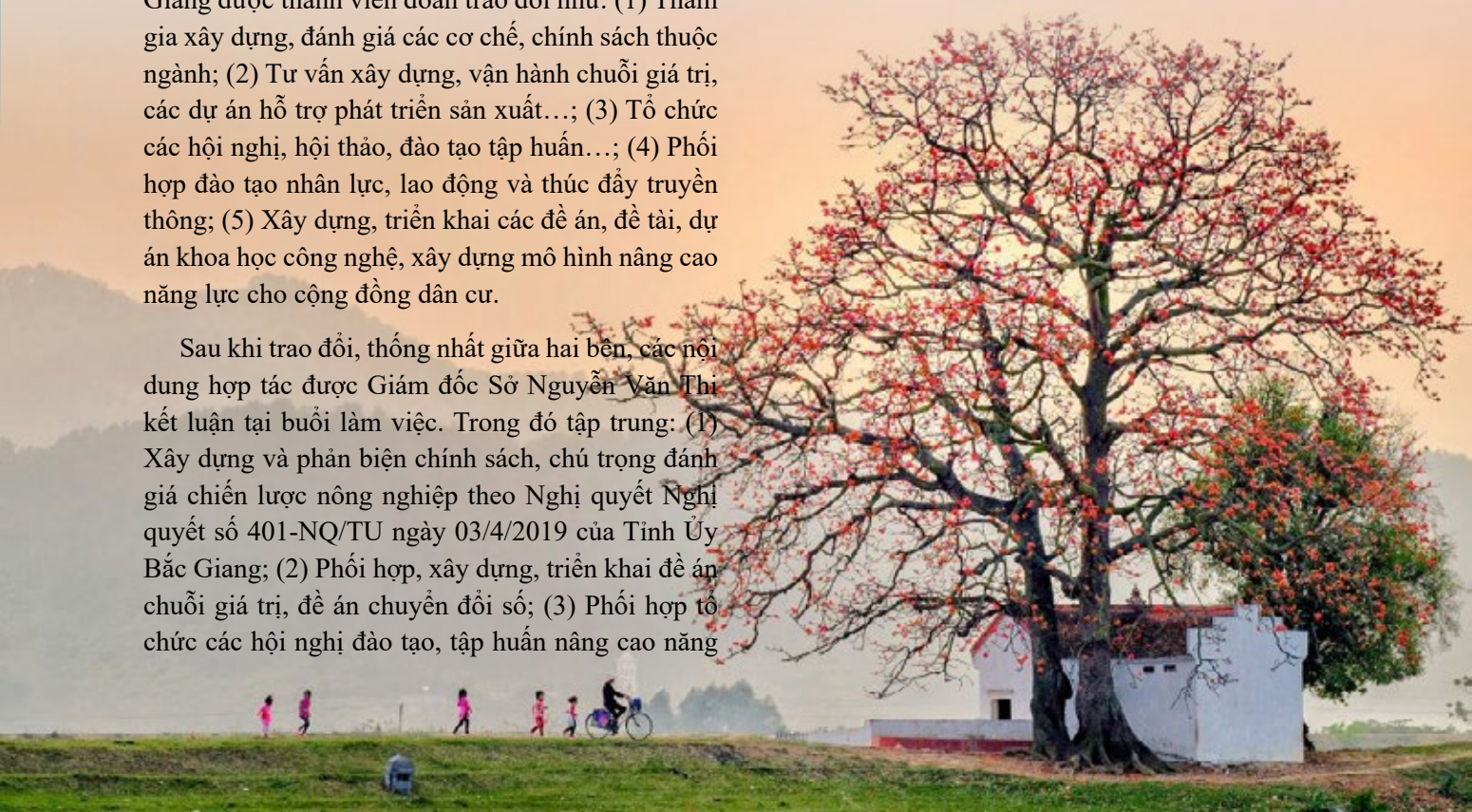
Một số đề xuất phối hợp của Hội tại tỉnh Bắc Giang được thành viên đoàn trao đổi như: (1) Tham gia xây dựng, đánh giá các cơ chế, chính sách thuộc ngành; (2) Tư vấn xây dựng, vận hành chuỗi giá trị, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...; (3) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo tập huấn...; (4) Phối hợp đào tạo nhân lực, lao động và thúc đẩy truyền thông; (5) Xây dựng, triển khai các đề án, đề tài, dự án khoa học công nghệ, xây dựng mô hình nâng cao năng lực cho cộng đồng dân cư.

Sau khi trao đổi, thống nhất giữa hai bên, các nội dung hợp tác được Giám đốc Sở Nguyễn Văn Thị kết luận tại buổi làm việc. Trong đó tập trung: (1) Xây dựng và phân biện chính sách, chú trọng đánh giá chiến lược nông nghiệp theo Nghị quyết Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Tỉnh Ủy Bắc Giang; (2) Phối hợp, xây dựng, triển khai đề án chuỗi giá trị, đề án chuyển đổi số; (3) Phối hợp tổ chức các hội nghị đào tạo, tập huấn nâng cao năng



lực và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, doanh nghiệp trong ngành của tỉnh; (4) Phối hợp tổ chức các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao; xây dựng các mô hình tạo vùng nguyên liệu, du lịch, sinh thái, kinh tế tuần hoàn; mô hình kinh tế nông nghiệp đa giá trị... (5) Tư vấn, phát triển sản phẩm OCOP; (6) Thúc đẩy hoạt động tuyên truyền, truyền thông phục vụ phát triển ngành.

Buổi làm việc kết thúc tốt đẹp, hai bên thống nhất tập trung xây dựng, hoàn thiện chương trình phối hợp trên tinh thần các nội dung đã trao đổi.





Hội Khoa học Kinh tế nông nghiệp và PTNT Việt Nam CÔNG TY CP KIẾN TẠO CUỘC SỐNG XANH

📍 20/158 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

☎ 0903249238

Công ty cổ phần kiến tạo Cuộc sống xanh là công ty chuyên về in ấn, truyền thông. Năng lực mạnh mẽ và kinh nghiệm phong phú của chúng tôi sẽ mang tới khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt ngoài mong đợi.

Tự nhận thấy mình là 1 phần và phải có trách nhiệm trong lĩnh vực phát triển nông, lâm nghiệp và nền kinh tế xanh bền vững, chúng tôi luôn có những chính sách ưu đãi về kinh phí, hỗ trợ các dịch vụ đi kèm cho các doanh nghiệp, tổ chức nông nghiệp để chung tay vì sự phát triển chung.

Sản phẩm của chúng tôi

THIẾT KẾ, IN CÁC SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG



KHÔNG PHẢI VẬT TƯ

Mà chính là phần chất xám kết tinh trong sản phẩm

Mới tạo nên giá trị sản phẩm



THIẾT KẾ, IN BAO BÌ, TEM NHÃN SẢN PHẨM



THIẾT KẾ, IN VẬT PHẨM, QUÀ TẶNG QUẢNG CÁO



THIẾT KẾ, IN BIỂN HIỆU, PANO QUẢNG CÁO, GIAN HÀNG HỘI CHỢ

Với các sản phẩm Pano, biển báo nơi công cộng, Cuộc Sống Xanh không chỉ đảm nhận phần thiết kế, thi công mà còn hỗ trợ việc xin giấy phép thực hiện tại địa phương, các cơ quan quản lý, giúp khách hàng tiết kiệm tối đa thời gian và công sức.





PEUGEOT

408 THẾ HỆ MỚI



MẪU XE SUV COUPE CHÂU ÂU CUỐN HÚT MỌI GÓC NHÌN

PEUGEOT 408 THẾ HỆ MỚI ĐƯỢC TRƯNG BÀY & LÁI THỬ
TẠI HỆ THỐNG HƠN 90 SHOWROOM PEUGEOT TOÀN QUỐC

5 NĂM
BẢO HÀNH
KHÔNG GIỚI HẠN SỐ KILOMET

PEUGEOT VIỆT NAM

facebook.com/peugeotvn | peugeotvietnam.vn | 1900 1101

